

ACIAR

in Vietnam



Australian Government
Australian Centre for
International Agricultural Research

July | Tháng 7 | 2016
<aciarc.gov.au>



Model agroforestry landscape in Son La province. Photo: World Agroforestry Centre Viet Nam.
Cảnh quan hệ thống nông lâm kết hợp mở rộng tại Sơn La. Ảnh: ICRAF Việt Nam.

News

- New CEO for ACIAR (p.2)
- ACIAR supports Son La Province in agriculture development (p.4)
- Tree planting at the Australian Embassy's pavilion (p.6)
- Impact assessment of ACIAR projects: capacity building (p.8)
- Farewell to Australian Ambassador Hugh Borrowman (p.10)

Project updates

- Agroforestry expands across Northwest Vietnam (p.12)
- Mid-term review: An opportunity for reflection (p.16)
- Applying Value Network Analysis method to map the knowledge resource of smallholder beef cattle production (p.20)
- PigRisk – Food Safety along the Pig Value Chain (p.24)
- Midterm review of giant grouper project (p.28)

Training corner

- Australia and experiences (p.32)
- John Dillon Fellowship Memory (p.34)

Farm to fork

- From North West garden to gourmet (p.36)

Tin tức

- ACIAR có Tổng giám đốc điều hành mới (p.3)
- ACIAR cam kết hỗ trợ tỉnh Sơn La trong phát triển nông nghiệp (p.5)
- Trồng cây tại khuôn viên Đại sứ quán Úc (p.7)
- Đánh giá tác động của dự án ACIAR: bồi dưỡng nguồn nhân lực (p.9)
- Chia tay đại sứ Úc Hugh Borrowman (p.11)

Cập nhật từ dự án

- Nông Lâm kết hợp từng bước được mở rộng tại Tây Bắc Việt Nam (p.13)
- Đánh giá giữa kỳ: Cơ hội để rút kinh nghiệm và lập kế hoạch tốt hơn (p.17)
- Áp dụng phương pháp Phân tích mạng lưới giá trị để sơ đồ hoá nguồn lực kiến thức của nông hộ chăn nuôi bò thịt quy mô nhỏ (p.21)
- PigRisk - An toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn (p.25)
- Đánh giá giữa kỳ dự án cá song vua (p.29)

Tin đào tạo

- Úc và những trải nghiệm (p.33)
- Kỉ ức học bổng John Dillon (p.35)

Món ngon từ nông trại

- Từ vườn rau Tây Bắc đến món ăn thượng hạng (p.37)

New CEO for ACIAR

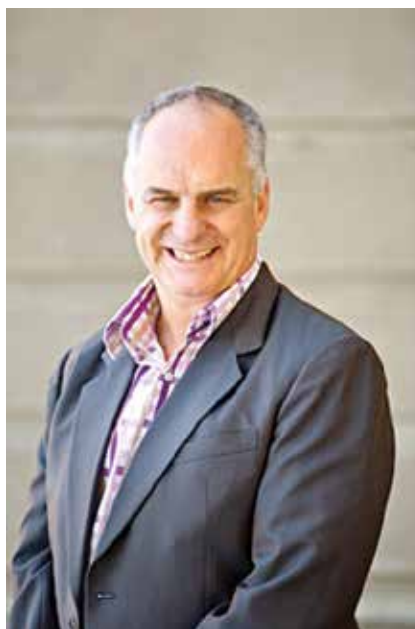
Prof Andrew Campbell will be the new Chief Executive Officer (CEO) of the Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR). This 1 August 2016 will be his first day in the office.

Prof Campbell has worked in natural resource management in research and leadership roles in Australia for over 25 years. He was most recently the Director of the Research Institute for the Environment and Livelihoods at Charles Darwin University, and was previously the Executive Director of Land & Water Australia and Managing Director of Triple Helix Consulting. He has also held senior policy roles in land, water and biodiversity management as a senior executive in the Australian Government. He was instrumental in the development of Landcare in Australia as the first National Landcare Facilitator.

His predecessor was Dr Nick Austin. Dr Austin had led ACIAR through a time of significant change, in which Australia's efforts in international agriculture research become a central pillar of Australia's broader aid program. During his term, Dr Austin showed great support for ACIAR Vietnam in its program and projects. On his leaving ACIAR, he said: 'It has been a privilege for me to have been at the helm of ACIAR over the past seven years'. During his visit to Vietnam last year (2015), Dr Austin attended the High Level Consultations between Australian and Vietnamese governments, had meetings with ACIAR's Vietnamese partners, and visited two projects, showing ACIAR's support for agriculture program in the country.

Join us in welcoming the new CEO Prof Campbell!

Official media release is available at Foreign Minister's website:
<http://bit.ly/29MzsfP>



ACIAR's new CEO Prof Andrew Campbell
Tổng giám đốc điều hành mới của ACIAR -
GS Andrew Campbell

ACIAR có Tổng giám đốc điều hành mới



ACIAR's new CEO Prof Andrew Campbell

Tổng giám đốc điều hành mới của ACIAR - GS Andrew Campbell



Dr Austin with ACIAR countries' staff. Photo: ACIAR Vietnam

TS Austin chụp ảnh cùng đội ngũ ACIAR từ các nước. Ảnh: ACIAR Việt Nam

GS Andrew Campbell sẽ là Tổng giám đốc điều hành (CEO) mới của Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR). Ngày 1 tháng 8 năm 2016 là ngày đầu tiên của ông tại trụ sở ACIAR.

GS Campbell có kinh nghiệm hơn 25 năm làm việc với vai trò nghiên cứu và lãnh đạo trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên tại Úc. Ông nguyên là Giám đốc Viện nghiên cứu môi trường và sinh kế thuộc Đại học Charles Darwin, Giám đốc điều hành của cơ quan Đất & Nước thuộc chính phủ Úc và Giám đốc điều hành của công ty tư vấn Triple Helix Consulting. GS cũng từng giữ chức vụ điều hành cấp cao trong chính phủ Úc, với vị trí quan trọng trong vấn đề chính sách về quản lý đất, nước và đa dạng sinh học. Ông có đóng góp tích cực cho việc phát triển phong trào quản lý môi trường Landcare ở Úc.

Người tiền nhiệm ở vị trí này trước GS Campbell là TS Nick Austin. TS Austin đã dẫn dắt ACIAR trải qua giai đoạn có sự

biến đổi lớn, khi những nỗ lực của Úc trong nghiên cứu nông nghiệp quốc tế là một trong những trụ cột của chương trình viện trợ Úc. Trong nhiệm kỳ của mình, TS Austin đã tích cực hỗ trợ ACIAR Việt Nam trong các chương trình và dự án. Nói về việc rời ACIAR, ông chia sẻ: 'Thật vinh hạnh cho tôi khi được cống hiến cho ACIAR trong suốt bảy năm qua.' Trong chuyến thăm Việt Nam gần đây nhất vào năm ngoái (2015), TS Austin đã tham dự hội nghị tham vấn cấp cao giữa Chính phủ Úc và Việt Nam, gặp gỡ các đối tác của ACIAR tại Việt Nam, và đến thăm các hoạt động của hai dự án, thể hiện sự quan tâm của ACIAR đến các chương trình nông nghiệp tại Việt Nam.

ACIAR Việt Nam cùng toàn bộ đội ngũ ACIAR vinh dự đón nhận GS Campbell trở thành CEO mới.

Thông cáo báo chí chính thức được đăng tải trên website của Bộ trưởng ngoại giao Úc: <http://bit.ly/29Mzsfp>



Signing ceremony of the MoU in agriculture and rural development cooperation. Photo: ACIAR Vietnam

Lễ ký Bản ghi nhớ về Hợp tác nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ảnh: ACIAR Việt Nam

ACIAR supports Son La Province in agriculture development

More Vietnamese families can have safe, fresh vegetables and fruits. Fresh vegetables, fruits and processed produce with standard quality from agriculture cooperatives in Northwest Vietnam may be expanded and have more chances to approach markets in Hanoi and other neighbouring localities.

That is the objective that all parties desire to achieve through the collaboration effort between development organisations, private enterprises and provincial authority following a workshop organised by the Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD)'s Programme on New Rural Development to promote farmer organisations and market linkage along the value chain of safe vegetable and fruits. The workshop took place on 7 July in Moc Chau District, Son La Province. During the workshop, the Australian Government via Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR), The Food and Agriculture Organization (FAO), The United Nations Industrial Development Organization (UNIDO), and Son La Province People's Committee signed a Memorandum of Understanding (MoU) in agriculture and rural development cooperation.

Along with other partners, the Australian Government via ACIAR pledges to support Son La Province with the development of local vegetable and fruit production and other highly competitive agricultural value chains; and to seek opportunities for joint resources to enable women to be equitably engaged in and benefit from agriculture and rural development in the province.

Son La is one of the provinces where ACIAR's Northwest Program has been implemented. 9 out of 11 projects under the program have field trials and technical interventions in Son La. Since 2001, ACIAR Vietnam has actively supported the Northwest with an estimated budget of approximately A\$20 million (VND 338 billion), focusing on safe vegetable and fruit varieties, beef cattle, and pig value chains; and sustainable



Mrs Luyen introducing products of brand 'Rau an toàn Moc Chau' from her cooperative. Photo: ACIAR

Cô Luyến giới thiệu sản phẩm mang thương hiệu 'Rau an toàn Mộc Châu' của hợp tác xã. Ảnh: ACIAR

cultivation on sloping land. In addition, gender equality is considered a priority in the current and future program.

As part of the workshop, Mrs Luyen, leader of Luu Luyen Cooperative and other farmers proudly received MARD Deputy Minister Tran Thanh Nam, Son La Province People's Committee Chairman Cam Ngoc Minh and other participants at their booth displaying safe vegetables. The produce is the result of a five-year research project funded by ACIAR 'Improved market engagement for counter-seasonal vegetable producers in Northwest Vietnam' (AGB/2009/053), which enables farmers to produce safe vegetables, successfully maintains the 'Rau an toàn Moc Chau' (Moc Chau safe vegetable) brand, connects to supermarkets in Hanoi, and increases farmers' income. MoU details are available at the Australian Embassy's website <Vietnam.embassy.gov.au>.



Australian Embassy staff and researchers visit Luu Luyen Cooperative's booth for safe vegetables.
Photo: ACIAR Vietnam

Đoàn đại biểu từ Đại sứ quán Úc cùng các nhà nghiên cứu ghé thăm gian trưng bày rau an toàn của HTX Lưu Luyến. Ảnh: ACIAR Việt Nam

ACIAR cam kết hỗ trợ tỉnh Sơn La trong phát triển nông nghiệp

Rau và trái cây tươi, an toàn, có lợi cho sức khỏe có thể đến được nhiều gia đình Việt Nam hơn. Các sản phẩm rau quả tươi và chế phẩm với chất lượng tốt của các hợp tác xã nông nghiệp ở Tây Bắc Việt Nam có thể sẽ được nhân rộng và có nhiều cơ hội tiếp cận thị trường Hà Nội và các vùng lân cận.

Đây là mục tiêu mà tất cả các bên đều mong đạt được từ nỗ lực hợp tác của các tổ chức phát triển và các công ty tư nhân với chính quyền địa phương tỉnh Sơn La thông qua hội thảo nhằm thúc đẩy tổ chức nông dân và liên kết thị trường theo chuỗi giá trị vùng sản xuất rau, quả an toàn, do Chương trình Nông thôn mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) chủ trì, diễn ra vào ngày 7 tháng 7 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Tại hội thảo, Chính phủ Australia thông qua Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Australia (ACIAR), Tổ chức Nông lương thế giới (FAO), Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp quốc (UNIDO), và UBND tỉnh Sơn La đã ký Bản ghi nhớ về Hợp tác nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Cùng với các đối tác khác, Chính phủ Australia thông qua ACIAR cam kết hỗ trợ tỉnh Sơn La phát triển rau, quả và các chuỗi giá trị nông nghiệp có tính cạnh tranh cao của địa phương, đồng thời tìm kiếm các cơ hội để huy động nguồn lực chung nhằm giúp phụ nữ tham gia và nhận được lợi ích một cách bình đẳng từ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sơn La thuộc một trong các tỉnh nơi ACIAR đang triển khai Chương trình Tây Bắc. 9 trong tổng số 11 dự án tại Tây Bắc đang và sẽ được ACIAR đầu tư có các thử nghiệm thực địa và can thiệp kỹ thuật tại Sơn La. Từ năm 2001, ACIAR Việt Nam đã tích cực hỗ trợ vùng Tây Bắc với ngân sách khoảng 20 triệu đô Úc (tương đương 338 tỷ đồng), tập trung vào rau, quả an toàn, bò thịt và chuỗi giá trị lợn thịt; Canh tác bền vững trên

đất dốc. Ngoài ra, vấn đề bình đẳng giới được coi là một ưu tiên trong chương trình hiện tại và tương lai.

Tham dự với tư cách khách mời của hội thảo, cô Luyến, chủ nhiệm hợp tác xã (HTX) Lưu Luyến và các bác nông dân đã rất tự hào khi được Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Trần Thanh Nam, Chủ tịch tỉnh Sơn La Cầm Ngọc Minh và các đại biểu đến thăm gian trưng bày rau an toàn của HTX. Các sản phẩm là kết quả của dự án nghiên cứu 5 năm do ACIAR tài trợ 'Cải thiện liên kết giữa thị trường và người sản xuất rau trái vụ vùng Tây Bắc Việt Nam' (AGB/2009/053), giúp nông dân sản xuất rau quả an toàn, giữ vững nhãn hiệu 'Rau an toàn Mộc Châu', kết nối với các siêu thị tại Hà Nội, và tăng thu nhập cho nông dân. Chi tiết về Bản ghi nhớ được đăng tải trên trang web của Đại sứ quán Úc <Vietnam.embassy.gov.au>.



Produce from safe fruits displayed at booths in the workshop. Photo: ACIAR Vietnam

Các sản phẩm từ quả an toàn trưng bày tại hội thảo. Ảnh: ACIAR Việt Nam



*Representatives from agencies plant trees inside the pavilion. Photo: ACIAR Vietnam
Đại diện các cơ quan trồng cây tại vườn. Ảnh: ACIAR Việt Nam*

Tree planting at the Australian Embassy's pavilion

The Australian Embassy's pavilion is now home to a number of Australian plum and peach trees received as a gift from the Plant Protection Research Institute (PPRI), a long-term partner of Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR). The tree planting event represents the friendship and successful cooperation between Australia and Vietnam in agriculture.

Attendees to the event on 19 April 2016 included the Ambassador Hugh Borrowman; PPRI Deputy Director, Trinh Xuan Hoat; ACIAR Vietnam Country Manager, Nguyen Thi Thanh An; ACIAR Policy Advisory Council (PAC) member, Dr Nguyen Van Bo; and representatives from the agencies.

The five fruit trees: three peach and two plum, are the outcome of a project in which buds from Australian mother trees were grafted into locally grown native varieties and tended in Moc Chau District, Son La Province by PPRI. Moc Chau is one of the four nurseries in Vietnam developed under the ACIAR-funded project CP/2001/027 'Adaptation of low-chill temperate

fruits to Australia, Thailand, Laos and Vietnam'. This project ran from 2001 to 2007 to establish and develop sustainable low-chill temperate fruit industries through identification of appropriate sites and through best orchard management for stone fruits, pomegranate and persimmon in the three countries.

The project results set premises for a series of follow-up projects that have been worth more than A\$4,6 million in the past 15 years, including the projects AGB/2002/086 'Improving postharvest quality of temperate fruits in Vietnam and Australia'; AGB/2008/002 'Improved market engagement for sustainable upland production systems in the north-western highlands of Vietnam'; and AGB/2012/060 'Improving smallholder incomes in the north-western highlands of Vietnam by increasing access and competitiveness in regional temperate and subtropical fruit markets'.

PPRI is one of the main partners in these projects.



The trees are present from PPRI - ACIAR's long-term partner. Photo: ACIAR Vietnam
Các cây được trồng là quà tặng từ PPRI - đối tác lâu năm của ACIAR. Ảnh: ACIAR Việt Nam

Trồng cây tại khuôn viên Đại sứ quán Úc

Khu vườn Pavilion giờ đây là ngôi nhà mới của một số cây đào và mận giống Úc. Đây là món quà của Viện Nghiên cứu Bảo vệ Thực vật (PPRI), một trong những đối tác lâu năm của Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Úc (ACIAR) tại Việt Nam tặng Đại sứ quán Úc, thể hiện tình hữu nghị và thành quả hợp tác giữa Việt Nam và Australia trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tham dự hoạt động trồng cây ngày 19 tháng 4 có Đại sứ Hugh Borrowman; ông Trịnh Xuân Hoạt, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu bảo vệ thực vật; bà Nguyễn Thị Thanh An, Trưởng đại diện ACIAR tại Việt Nam; Tiến sĩ Nguyễn Văn Bộ, Đại diện Ban cố vấn chính sách (PAC) của ACIAR; cùng thành viên các cơ quan.

Năm cây ăn quả được trồng, gồm ba cây đào và hai cây mận là sản phẩm ghép gốc từ giống cây địa phương với chồi tách từ cây mẹ giống Úc được PPRI trồng và chăm sóc tại Mộc Châu, Sơn La. Mộc Châu là một trong bốn vườn ươm cây ăn quả ôn đới tại Việt Nam của dự án CP/2001/027 ‘Nâng cao khả năng thích nghi đối với cây ăn quả ôn đới ở Úc, Thái Lan, Lào và Việt

Nam’ tài trợ bởi ACIAR và được thực hiện từ năm 2001 đến 2007. Dự án này nhằm thiết lập và phát triển bền vững ngành cây ăn quả ôn đới (cây có hạt cứng, lựu và hồng vàng) ở Thái Lan, Lào và Việt Nam bằng cách xác định khu vực và giống phù hợp, áp dụng các phương pháp quản lý tốt nhất cho vườn cây ăn quả.

Những kết quả nghiên cứu thu được từ dự án tạo tiền đề cho một loạt dự án tiếp theo trị giá hơn 4,6 triệu đô la Úc trong vòng 15 năm qua, như dự án AGB/2002/086 ‘Tăng cường chất lượng sau thu hoạch các loại quả ôn đới tại Việt Nam và Úc’; AGB/2008/002 ‘Cải thiện hệ thống canh tác và liên kết thị trường nông sản vùng cao Tây Bắc Việt Nam’; và AGB/2012/060 ‘Cải thiện thu nhập cho các hộ nông dân nhỏ tại vùng cao Tây Bắc Việt Nam thông qua tăng cường tính cạnh tranh và tiếp cận thị trường quả ôn đới và bán ôn đới ở khu vực’.

Viện Nghiên cứu Bảo vệ Thực vật (PPRI) là một trong những đối tác chính của các dự án kể trên.

Impact assessment of ACIAR projects: capacity building

By Geoff Morris and Dinh Thi Huyen Tram



Dr John Mullen talked to one of RIA1 research station's staff in Cat Ba.
Photo: Ngọc Liên, RIA1
TS John Mullen nói chuyện với cán bộ trạm nghiên cứu của RIA 1 tại Cát Bà. Ảnh: Ngọc Liên, RIA1

Impact assessment of ACIAR project is an independent program, usually taking place 5 years or more after a project has finished. They are typically focused on the total gains in economic welfare for farmers. There has been little emphasis on capacity building and the value of research activities that add to human scientific capacity.

Capacity building encompasses informal individual on-the-job training, including mentoring and 'learning by doing' during projects, discrete short term training programs, and formal individual qualifications (M.Sc and PhD) from Australian and partner country institutions.

In February 2016, a team of reviewers from Australia (Geoff Morris, Dr John Mullen and Douglas Gray) came to Vietnam to assess ACIAR projects' impact, especially with respect to capacity building for Vietnamese researchers. The chosen projects are from forestry and fishery sectors.

The objectives of the study were to:

1. To improve ACIAR projects through better planning, design and allocation of funds for Capacity Building and Research activities
2. To better describe and understand the impact of ACIAR projects on Individual and Institutional Capacity Building
3. To review previous Impact Assessment Studies (principally economic impacts) of three completed ACIAR

projects with high economic returns on investment, and assess their impacts in terms of capacity building

Regarding forestry projects, our reviewers visited Vietnamese Academy of Forest Sciences (VAFS), which is an important partner of ACIAR in many of its forestry projects. Here, the reviewer team had a presentation about some results of previous studies with VAFS's staff. In addition, the team also visited VAFS's research station in Ba Vi and met VAFS researchers working there. Moreover, our team also had the chance to interview several retired researchers, such as Prof Le Dinh Kha, current leaders and young researchers that had returned to Vietnam to continue their work after studying in Australia under John Allwright and John Dillon Fellowship, such as Dr Nghiem Quynh Chi, Dr Dao Ngoc Quang and Dr Tran Lam Dong.

Regarding fishery projects, in addition to reviewing all projects, the team focused on one of the recent more successful projects FIS/2005/114 'Bivalve hatchery production capacity in Vietnam and Australia'. This project, implemented by Research Institute for Aquaculture No1 (RIA1), is one of the very first projects in Vietnam that worked with oyster – a seafood with great potential. Our reviewers conducted an interview with Dr Le Xan, Vietnamese project leader. During the interview, Dr La Xan expressed his opinion on how ACIAR oyster project had helped to enhance RIA 1 researchers' capacity, not only through scholarships but also through a process of interaction between Vietnamese and Australian researchers. After that, Dr John Mullen, one of the reviewers, also visited RIA1's research station in Cat Ba, where they studied and produced algae, larvae and oyster seeds and talked with staff and researchers that are based in Cat Ba. They shared their experience here with him, regarding what they had learned from the project and about the challenges and difficulties that they had encountered.

The interviews provided a rich story on the careers of many Vietnamese scientists, and positive experiences through participating in ACIAR projects. The capacity building from ACIAR projects was often considered more significant for Vietnamese researchers than the project research outputs. The study will be finalised in the coming months. Information and data collected from this trip will be used to improve project design and in the development of new and more accurate approach to investing and measuring capacity building.

For more information, please contact:

Geoff Morris <Geoff@morris.net>

Dinh Thi Huyen Tram <tram.dth94@gmail.com>

Đánh giá tác động của dự án ACIAR: bồi dưỡng nguồn nhân lực

Bài viết của Geoff Morris và Đinh Thị Huyền Trâm

Đánh giá tác động của các dự án do ACIAR tài trợ là một chương trình độc lập, thường diễn ra sau khi dự án kết thúc được 5 năm hoặc hơn. Chương trình thường tập trung vào đánh giá tổng lợi nhuận về kinh tế mà nông dân thu được, ít đánh giá sâu về khía cạnh xây dựng năng lực hay đánh giá các hoạt động nghiên cứu giúp tăng cường năng lực khoa học. Xây dựng năng lực bao gồm các hoạt động từ đào tạo không chính thức cho các cá nhân trực tiếp trong công việc, như hoạt động tư vấn, ‘vừa học vừa làm’ trong quá trình triển khai dự án, cho tới các chương trình đào tạo ngắn hạn riêng biệt, và cấp bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ cho cá nhân từ các tổ chức của Úc và nước đối tác.

Tháng 2 năm 2016, đoàn chuyên gia Úc (ông Geoff Morris, TS John Mullen và TS Douglas Gray) đã sang Việt Nam để đánh giá tác động của những dự án đã hoàn thành, đặc biệt tìm hiểu sâu hơn khía cạnh bồi dưỡng năng lực cho các cán bộ nghiên cứu ở Việt Nam. Các dự án được lựa chọn để đánh giá lần này thuộc các chương trình lâm nghiệp và thủy sản.

Các mục tiêu của kỳ đánh giá:

1. Hoàn thiện các dự án ACIAR thông qua nâng cao chất lượng quy hoạch và thiết kế dự án, phân bổ kinh phí cho các hoạt động xây dựng năng lực và nghiên cứu
2. Hiểu và mô tả rõ hơn về tác động của các dự án ACIAR đến việc xây dựng năng lực cá nhân và tổ chức
3. Xem xét các nghiên cứu đánh giá tác động trước đó (chủ yếu là các tác động kinh tế) trong ba dự án đã kết thúc của ACIAR với lợi ích kinh tế thu được cao, và đánh giá các tác động về mặt xây dựng năng lực



Oyster families grown in research station for testing.

Photo: Ngọc Liên, RIA1

Các gia đình hàu được nuôi thử nghiệm tại trạm nghiên cứu.

Ảnh: Ngọc Liên, RIA1

Với các dự án về lâm nghiệp, đoàn chuyên gia đã đến thăm Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam (VAFS), vốn là một đối tác quan trọng trong nhiều dự án lâm nghiệp của ACIAR. Tại đây đoàn đã có một buổi trình bày các kết quả đánh giá với các cán bộ chủ chốt của viện VAFS. Đồng thời, đoàn cũng đi thăm trạm nghiên cứu của VAFS tại Ba Vì và gặp gỡ những nhà nghiên cứu lâm nghiệp tại Viện. Đặc biệt, các chuyên gia đánh giá đã có cơ hội phỏng vấn trực tiếp các nhà nghiên đã về hưu, như GS Lê Đình Khả, cùng các lãnh đạo hiện tại và các nhà nghiên cứu trẻ đã từng sang Úc học tập theo chương trình học bổng John Allwright và John Dillon Fellowship như TS Nghiễm Quỳnh Chi, TS Đào Ngọc Quang và TS Trần Lâm Đồng, hiện đã quay trở về Việt Nam để tiếp tục làm việc.

Về thủy sản, sau khi đánh giá toàn bộ các dự án, đoàn chuyên gia tập trung vào một trong những dự án mới đây có nhiều thành tựu, là dự án hàu FIS/2005/114 ‘*Nâng cao năng lực sản xuất giống nhuyễn thể ở Việt Nam và Úc*’. Dự án này là một trong những dự án đầu tiên nghiên cứu về hàu, một loại hải sản có tiềm năng rất lớn, và đơn vị thực hiện là Viện Nghiên cứu và Nuôi trồng Thủy sản 1 (RIA1). Đoàn chuyên gia đã phỏng vấn TS Lê Xuân, trưởng dự án từ phía Việt Nam. Trong buổi phỏng vấn này, TS Xuân đã đưa ra quan điểm của mình về tác động của dự án hàu ACIAR lên năng lực của những nhà nghiên cứu tại RIA 1, không chỉ thông qua hỗ trợ học bổng, mà còn thông qua quá trình nhân viên Việt Nam tiếp xúc và làm việc với những nhà nghiên cứu đến từ Úc. Sau đó, TS John Mullen, một đánh giá viên trong đoàn, cũng đi thăm cơ sở nghiên cứu-sản xuất tạo, ấu trùng và hàu giống tại trạm nghiên cứu giống của Viện tại Cát Bà, và có cơ hội nói chuyện trực tiếp với những nhân viên làm việc tại đây. Họ đã chia sẻ với ông về công việc của họ tại đây, về những điều họ thu nhận được trong quá trình làm việc với dự án hàu, và về những khó khăn thách thức mà họ gặp phải.

Các cuộc phỏng vấn đã mang đến câu chuyện phong phú về sự nghiệp của nhiều nhà khoa học Việt Nam và các kinh nghiệm quý báu khi tham gia vào các dự án ACIAR. Xây dựng năng lực từ các dự án ACIAR thường được coi là có ý nghĩa hơn đối với các nhà nghiên cứu Việt so với kết quả nghiên cứu của dự án. Đánh giá sẽ được hoàn thiện trong những tháng tới. Thông tin và dữ liệu thu thập được từ chuyến đi này sẽ được sử dụng để cải thiện thiết kế dự án và phát triển cách thức tiếp cận mới và chính xác hơn trong đầu tư và đánh giá hiệu quả bồi dưỡng năng lực.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Geoff Morris <Geoff@morris.net>

Đinh Thị Huyền Trâm <tram.dth94@gmail.com>



Minister Cao Duc Phat, Ambassador Hugh Borrowman with representatives from partners. Photo: ACIAR Vietnam
Bộ trưởng Cao Đức Phát, Đại sứ Hugh Borrowman cùng đại diện các cơ quan. Ảnh: ACIAR Việt Nam

Farewell to Australian Ambassador Hugh Borrowman

Upon reaching the end of his term, Australian Ambassador to Vietnam, Hugh Borrowman bid farewell to main partners in Australia-Vietnam cooperation fields. Ambassador Borrowman had a meeting with Minister of Agriculture and Rural Development (MARD) as well as representatives of ACIAR Vietnam's partners.

Minister Cao Duc Phat received the Ambassador on 25 May 2016, accompanied by representatives from the Australian Embassy and MARD's related agencies. Dr Phat recognised the Ambassador's accomplishments in his working term in Vietnam since 2012 and praised the contributions of the Australian investment in Vietnam's development. Dr Phat thanked and appreciated Australia's support, including agriculture research.

In response to Dr Phat's speech, the Ambassador attested to do his utmost to further the two countries' cooperation in agriculture and rural development at his new posting.

On 27 May 2016, ACIAR and its Vietnamese partners held a meeting to bid farewell to the Ambassador and thank his long-term companion at the Australian Embassy. Attendees to the event included ACIAR Policy Advisor, Dr Nguyen Van Bo; leaders of Vietnamese Academy of Agricultural Sciences

(VAAS), International Collaborating Centre for Aquaculture and Fisheries Sustainability (ICAFIS), Vietnam Women's Union (VWU), Institute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development (IPSARD), Department of Agriculture and Rural Development of Soc Trang Province, Plant Protection Research Institute, Australian Embassy's Agriculture Section, and representatives from the Embassy's sections.

ACIAR's partners expressed their appreciation to the Australian Embassy and the Ambassador that have offered support for ACIAR and its partners.

All attendees shared with the Ambassador their personal experience and feelings about opportunities and support which they received from ACIAR. ACIAR and Australia have made a considerable contribution to improving capacity of Vietnamese research institutions in agriculture, forestry and fishery, and sponsoring excellent researchers.

ACIAR partners also talked about successful results and practical effects of the projects in agriculture development in priority areas. Dr Nguyen Van Bo appreciated the Ambassador's goodwill and enthusiastic assistance, and hoped to maintain their friendship. Attendees wished Ambassador Borrowman health and success in his new posting.



Ambassador Hugh Borrowman poses for a photo with ACIAR staff and partners at the Embassy. Photo: ACIAR Vietnam.
Ngài Đại sứ chụp ảnh cùng ACIAR và các đối tác tại sảnh Sứ quán trước lúc chia tay. Ảnh: ACIAR Việt Nam

Chia tay đại sứ Úc Hugh Borrowman

Trước khi hết nhiệm kỳ về nước, Ngài Hugh Borrowman, Đại sứ Úc tại Việt Nam đã dành thời gian để gặp mặt và chia tay những đối tác chính trong các lĩnh vực hợp tác giữa Úc và Việt Nam. Ông đã gặp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT), và đại diện các đối tác nghiên cứu của chương trình ACIAR Việt Nam.

Ngày 25 tháng 5, Bộ trưởng Cao Đức Phát đón tiếp đại sứ Hugh Borrowman đến chào kết thúc nhiệm kỳ, cùng gặp mặt có đại diện các phòng ban có nhiều hoạt động liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp của Đại sứ quán Úc và các cơ quan đối tác của Bộ NNPTNT. Bộ trưởng chúc mừng Đại sứ đã hoàn thành nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam từ năm 2012, đồng thời cảm ơn những đóng góp của các nguồn đầu tư từ nước Úc cho sự phát triển của Việt Nam. Bộ trưởng Phát cảm ơn và đánh giá cao những chương trình hỗ trợ của Úc trong đó có hợp tác nông nghiệp.

Đáp lại, Đại sứ Hugh Borrowman khẳng định sẽ luôn ủng hộ mối quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên các cương vị mới của mình.

Ngày 27 tháng 5, để chia tay và cảm ơn người đồng hành lâu năm trong các hoạt động nghiên cứu nông nghiệp, ACIAR và các đối tác Việt Nam tổ chức gặp mặt Đại sứ tại Đại sứ quán Úc. Đại diện các đơn vị đến tham dự có Cố vấn Chính sách

của ACIAR tại Việt Nam, TS Nguyễn Văn Bộ, cùng với lãnh đạo của Viện Khoa Học Nông Nghiệp Việt Nam, Trung tâm Hợp tác quốc tế Nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững, Hội Phụ Nữ Việt Nam, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Sóc Trăng, Viện nghiên cứu bảo vệ thực vật, Bộ phận Nông nghiệp Đại sứ quán Úc và đại diện một số phòng ban của Đại sứ quán.

Các đối tác cảm ơn ngài Đại sứ và Đại sứ quán Úc đã luôn hỗ trợ ACIAR và các đơn vị hợp tác.

Từng người tham dự buổi gặp mặt đã chia sẻ với Đại sứ những tình cảm và kinh nghiệm cá nhân về những cơ hội và sự hỗ trợ mà ACIAR đã mang lại cho họ. ACIAR và Úc đóng góp không nhỏ vào các hoạt động giúp nâng cao năng lực của các đơn vị nghiên cứu nông, lâm, thủy sản tại Việt Nam, cũng như tài trợ cho các cá nhân xuất sắc.

Các đối tác cũng chia sẻ những thành tựu đạt được và tác động thực tiễn của các dự án trong phát triển nông nghiệp tại các vùng trọng điểm của ACIAR. TS Nguyễn Văn Bộ đánh giá cao thiện chí và sự giúp đỡ nhiệt tình của Đại sứ, hy vọng tiếp tục duy trì tình bạn hữu nghị. Các thành viên tham dự chúc Đại sứ sức khỏe và thành công trên các cương vị công tác mới.

Agroforestry expands across Northwest Vietnam

After five years, the proven benefits of agroforestry have inspired farmers in Northwest Vietnam to expand cultivation areas from small plots to 50 hectares.

A project in the harsh environment of Northwest Vietnam, led by the World Agroforestry Centre, set out in 2011 to find solutions to land degradation and poverty among smallholders. The project started on a small scale with experimental agroforestry systems on individual farmers' land. But as the benefits of the project began to be realised, with tangible impact on income and land degradation, the methods of the project and its agroforestry models are now being expanded to the entire landscape.

The Northwest region of Vietnam is plagued with hardship. Deforestation and forest degradation have left the steeply sloping hills vulnerable to serious soil erosion and wiped out much of the area's biodiversity. The populations living in these uplands, largely ethnic minority groups, suffer from



Monocultural cropping and degraded land in Northwest Viet Nam.
Photo: World Agroforestry Centre Viet Nam

Cảnh tác độc canh và đất suy thoái tại Tây Bắc, Việt Nam. Ảnh: ICRAF Việt Nam

By Tran Ha My and Nguyen Anh Thu,
World Agroforestry Centre (ICRAF)

the highest rates of poverty in the country. While many farmer remain subsistent and dependent on land for their livelihoods, years of monocultural cultivation of maize have exacerbated degradation of their land, leading to further soil and water loss and nutrient depletion. Yields have declined, lowering farmers' already meagre incomes. Harsh weather worsens these conditions, in some cases causing crop loss in the monocultural systems that have little protection from the elements, leaving farmers with few alternatives.

Recognising that agroforestry could alleviate these issues and have many benefits for both farmers and the environment, the World Agroforestry Centre (ICRAF) began the 'Agroforestry for Livelihoods of Smallholder Farmers in Northwest Vietnam (AFLI)' project in 2011 in partnership with local governments in the region's provinces, and with support from the Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR) and the CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry. In the initial phase, the project conducted agroforestry experiment on sloping plots volunteered by smallholders.

Ten different systems were tested, all of which intercropped maize with several species of fruit trees and fodder grasses. Over the course of the last five years, a total of 71 of these 'volunteer farmers' have been intensively trained in agroforestry techniques, from establishing nurseries, preparing seedlings, grafting and marcotting techniques, designing agroforestry systems. Even though the trees are still in early stages of development, the experiments have already produced environmental benefits and economic gain for the smallholders.

Following initial successes in Son La Province, the project is now expanding on a large scale. In order to popularise efficiency of the agroforestry projects, ICRAF took smallholders who were

More on page 14 >>

Nông Lâm kết hợp từng bước được mở rộng tại Tây Bắc Việt Nam

Với mục tiêu tìm kiếm giải pháp cho vấn đề suy thoái đất và giảm đói nghèo cho các nông hộ nhỏ tại Tây Bắc Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF) đã triển khai một dự án vào năm 2011 nhằm thử nghiệm các hệ thống Nông Lâm kết hợp ở quy mô ô thửa nhỏ trên diện tích đất canh tác nông nghiệp của nông hộ. Sau 5 năm thực hiện, từ một vài mô hình thử nghiệm nhỏ, dự án đã gặt hái được những thành công rõ rệt, không chỉ đảm bảo nguồn thu nhập cho nông hộ và bảo tồn tài nguyên đất, giải pháp Nông Lâm kết hợp còn thuyết phục được bà con và chính quyền địa phương tiếp tục mở rộng các mô hình Nông Lâm kết hợp với quy mô lớn.

Tây Bắc là vùng cao biên giới, có địa hình hiểm trở với nhiều đồi đất dốc và là nơi sinh sống của hơn 20 dân tộc thiểu số với tỉ lệ đói nghèo cao nhất cả nước. Tập quán canh tác độc canh các loại cây hàng năm như ngô, sắn trên đất dốc trong thời gian dài là nguyên nhân tầng mặt đất bị rửa trôi do xói mòn, dẫn đến giảm dinh dưỡng trong đất và hậu quả là suy giảm năng suất các loại cây ngắn ngày, ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế của các nông hộ tại đây.

Sau 5 năm chứng kiến những lợi ích thực tế từ các mô hình Nông Lâm kết hợp, các nông hộ tại Tây Bắc Việt Nam quyết tâm mở rộng các mô hình Nông Lâm kết hợp từ diện tích ô thửa nhỏ ban đầu đến 50 héc-ta.

Bài viết của Trần Hà My và Nguyễn Anh Thư,
Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF)



Late-fruiting longan with maize and forage grass system in Yen Bai province. Photo: World Agroforestry Centre/La Nguyen
Mô hình nhãn chín muộn – ngô – cỏ chăn nuôi tại Yên Bái. Ảnh: ICRAF Việt Nam/La Nguyễn

Xem tiếp trang 15 >>

>> Continued from page 12

not involved in the experiments to visit the AFLI sites. After witnessing the benefits of agroforestry, over 30 households voluntarily participated in AFLI's next phase. Together with these households and the Government's agricultural advisory centres, ICRAF established an agroforestry model on a 50 hectare area in Mai Son, Son La. Approximately 50,000m of forage have been planted along contour lines on sloping land using a buffalo-led technique taught by experts from ICRAF Philippines. Across the landscape, 22,000 trees of different fruit varieties—including longan, mango, plum, pomelo and lime—are being planted. AFLI is also replicating this landscape model on 50 hectares in Tram Tau, Yen Bai Province.

These successes are based on the initial experimental plots on farmers' land, which tested systems such as one that mixed late-fruiting longan trees with maize and forage. This system proved capable of maintaining maize yields compared to monocultural practices, while also providing additional production of forage for use on farm or for sale as livestock feed. One smallholder in the experiment found that with the additional forage he was able to increase his livestock from just one buffalo to three in a few years. The longan trees are expected to begin fruiting in their fourth year and bring in considerable income. More importantly, the experimental system has already reduced soil erosion by 40–45% compared to monocultural maize cultivation.

In addition to such on-farm experiments, group nurseries were established to provide seedlings for the experimental plots

and ICRAF researchers trained farmers in techniques such as grafting and marcotting, a plant-propagation technique. The nurseries are now successfully managed by the farmers themselves. Additional agricultural advisory material was published in several formats, providing information on other management techniques, such as top-working and pruning.

While the positive effects of the AFLI project were clear to farmers, they didn't go unnoticed by local authorities either. In witnessing the real impact agroforestry has had on both smallholders' livelihoods and the environment, the People's Council of Yen Bai Province incorporated the scientific innovations into development-support policies for sustainable cultivation practices on sloping land in poor areas. Incentives include a subsidy of VND 1 million per hectare for farmers to grow grass strips to prevent soil erosion, which will also increase maize yields and provide feed for livestock, and a subsidy of VND 6 million for every hectare of 'son tra' (*Docynia indica*) trees planted in Tram Tau and Mu Cang Chai Districts.

The heavily degraded land and poverty of the region may soon be of the past thanks to the willingness of smallholders in taking the risk of testing new agroforestry systems, the support of the local governments, and ACIAR in understanding the benefits of trees on farms that have been proven by the World Agroforestry Centre.

For more information, please contact Dr La Nguyen <L.Nguyen@cgiar.org>



Farmers, research partners and ACIAR review team at exemplar landscape of maize - forage grass system in Mai Son District, Son La Province. Photo: ACIAR Vietnam.

Nông dân, các nhà nghiên cứu và đoàn đánh giá ACIAR tại mô hình mẫu kết hợp ngô-cỏ tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Ảnh: ACIAR Việt Nam.

>> Tiếp theo trang 13



Women farmers working in seedling nursery under project in Van Chan District, Yen Bai Province. Photo: ACIAR Vietnam.

Phụ nữ nông dân cùng làm việc trong vườn ươm của dự án tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Ảnh: ACIAR Việt Nam.

Nhận thấy Nông Lâm kết hợp được cho là một giải pháp có khả năng mang lại nhiều lợi ích trong việc cải thiện sinh kế và bảo tồn tài nguyên đất, Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF) tại Việt Nam đã tiến hành dự án ‘Nông Lâm kết hợp cho sinh kế nông hộ nhỏ tại Tây Bắc Việt Nam’ (AFLI) vào năm 2011 cùng với sự hợp tác của các đối tác địa phương và sự hỗ trợ từ Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR) và Chương trình Nghiên cứu CGIAR về Rừng, Cây thân gỗ và Nông Lâm kết hợp. Trong giai đoạn đầu, dự án đã tiến hành thử nghiệm các hệ thống Nông Lâm kết hợp phù hợp với các vùng sinh thái trên đất dốc ở quy mô nông hộ nhỏ.

Mười hệ thống Nông Lâm kết hợp khác nhau đã được thành lập. Các hệ thống này đều trồng xen ngô với cây ăn quả hoặc cỏ chăn nuôi. Trong suốt năm năm qua, có tổng cộng 71 trong số các nông hộ tham gia vào dự án đã được tập huấn chuyên sâu từ việc thiết lập vườn ươm và chuẩn bị cây giống thông qua kỹ thuật ghép và chiết cành cho đến thiết kế các hệ thống Nông Lâm kết hợp theo đúng kỹ thuật. Mặc dù các loại cây trồng trong hệ thống vẫn đang trong giai đoạn đầu sinh trưởng sau năm năm, nhưng kết quả bước đầu đều mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường cho các nông hộ.

Từ những thử nghiệm thành công ban đầu tại Sơn La, dự án đang tiếp tục mở rộng các mô hình với quy mô lớn hơn. Với mục tiêu quảng bá rộng rãi hiệu quả Nông Lâm kết hợp thông qua tập huấn và tham quan, ICRAF đã tổ chức để đưa một số nông hộ không thuộc dự án đi tham quan và học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình thử nghiệm. Sau khi chứng kiến lợi ích từ các mô hình, hơn 30 hộ đã tình nguyện thiết lập hệ thống Nông Lâm kết hợp trên diện tích 50 héc-ta tại Mai Sơn, Sơn La. Khoảng 22.000 cây lâu năm các loại gồm nhãn, xoài, mận, bưởi, chanh đã được trồng. Cỏ chăn nuôi cũng được trồng theo đường đồng mức, bên cạnh các hàng cây trên diện tích đang canh tác ngô nhằm cung cấp thức ăn cho chăn nuôi và chống xói mòn đất. Ngoài ra, mô hình Nông Lâm kết hợp mở rộng cũng đang được tiến hành tại Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Những thành công này đều dựa trên các thử nghiệm ô thửa nhỏ ban đầu. Thử nghiệm nhãn chín muộn – ngô – cỏ chăn nuôi được minh chứng bởi khả năng duy trì năng suất ổn định khi so sánh với ngô trồng thuần, trong khi cỏ chăn nuôi trong

hệ thống đảm bảo cung ứng nguồn thức ăn ổn định cho gia súc. Một trong những nông hộ thuộc dự án cho biết, từ nguồn cỏ chăn nuôi dồi dào, gia đình đã nuôi thêm ba con trâu thay vì một con như trước. Nhãn đã bắt đầu cho quả từ năm thứ tư và được mong đợi là sẽ mang lại thu nhập cao cho nông hộ. Một phần quan trọng không thể thiếu đó là lợi ích về môi trường trong các thử nghiệm. Hệ thống nhãn chín muộn – ngô – cỏ chăn nuôi đã giúp giảm lượng đất bị rửa trôi từ 40-45% khi so sánh với trồng ngô thuần.

Ngoài các thử nghiệm ô thửa tiến hành tại các nông hộ, vườn ươm nhóm nông hộ cũng được thiết lập nhằm cung cấp cây giống cho các mô hình. Những vườn ươm này cũng được chăm sóc và quản lý bởi chính các nông hộ. Các nhà nghiên cứu từ ICRAF cũng đã tổ chức rất nhiều các buổi tập huấn cũng như xuất bản các ấn phẩm nhằm phổ cập các kỹ năng như thiết lập và quản lý vườn ươm, kỹ thuật ghép các loại cây chủ lực tại địa phương hay ghép cải tạo vườn cây hiện có.

Rõ ràng, dự án AFLI không chỉ mang lại lợi ích cho các nông hộ nhỏ mà còn gây tiếng vang tốt đến các cấp lãnh đạo tại địa phương. Từ thực tế này, Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái đã trực tiếp tiếp nhận những tiến bộ khoa học từ dự án, đồng thời ban hành một chính sách hỗ trợ phát triển Nông Lâm kết hợp trên diện rộng tại kỳ họp lần thứ 15 vào ngày 15 tháng 12 năm 2015. Theo đó, nông hộ thuộc thuộc các xã đặc biệt khó khăn 135 sẽ được hỗ trợ 1 triệu đồng trên 1 héc-ta để trồng băng cỏ chống xói mòn trên diện tích cây trồng và hỗ trợ 6 triệu đồng cho 1 héc-ta trồng cây sơn tra tại khu vực Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

Vấn đề suy thoái đất và đói nghèo tại Tây Bắc có thể sẽ trở thành quá khứ nhờ vào sự tình nguyện hợp tác và phát triển các mô hình Nông Lâm kết hợp của các nông hộ, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như tầm nhìn của Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp quốc tế Úc (ACIAR) trong việc hiểu rõ hiệu quả của giải pháp Nông Lâm kết hợp được chứng minh bởi Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF).

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ TS La Nguyễn <L.Nguyen@cgiar.org>



Review team at a vegetable farming system trial. Photo: ACIAR Vietnam.

Đoàn đánh giá tại một điểm thí nghiệm mô hình trồng rau. Ảnh: ACIAR Việt Nam.

Mid-term review: An opportunity for reflection

By Hien Nguyen and Hien Phan, Coordinators of the North West vegetables project

Project 'Towards more profitable and sustainable vegetable farming systems in north western Vietnam' (AGB/2012/059) aims to enhance the profitability and sustainability of smallholder vegetable farmers in Northwest Vietnam through improved market engagement and integrated resource and disease management practices. The project focuses on women and ethnic minorities engaged in horticultural value chains in Sa Pa and Bac Ha in Lao Cai province. In the five-day period, from 16 to 20 May, the project held a Mid-term review (MTR) in Hanoi and Lao Cai.

The MTR was attended by ACIAR representatives, institute partners, project team and reviewers who are experienced researchers in the field. In the first two days in Hanoi, 14 presentations and posters were delivered to bring an overview of activities that the project has done to date including market analysis, market development, farming systems, capacity building and gender analysis. Panel sessions were also held for the reviewers to interact with project team and get more insights into the project. The MTR then headed to the field

to visit trial sites in Sa Pa and Bac Ha, where they were able to see firsthand project trial work underway and meet with collaborating farmers and collectors.

After 2 years of implementation, the project has achieved some considerable results including:

- A comprehensive market analysis for 10 conventional and 5 indigenous vegetables implemented in Hanoi, Lao Cai, Son La, Yen Bai and Dien Bien to identify the main supplier of vegetables, supply issues (e.g. quantity, quality, availability) and consumer's demand through key wholesale and retail markets and shops in above areas. Collection of information on varieties, prices, quality and origin of relevant vegetables in a selection of retail and wholesale markets where interviews were conducted in and around Hanoi; as well as development of a consumer survey instrument and sampling methods in order to assess vegetable consumption patterns and purchase locations,

More on page 18 >>



Workshop participants: project team, reviewers, ACIAR representatives and institute partners. Photo: Hien Phan.
Tham dự hội thảo gồm thành viên dự án, đánh giá viên, nghiên cứu viên, đại diện ACIAR và các đối tác. Ảnh: Hiền Phan.

Đánh giá giữa kỳ: Cơ hội để rút kinh nghiệm và lập kế hoạch tốt hơn

Bài viết của Hiền Nguyễn và Hiền Phan, điều phối viên Dự án rau Tây Bắc

Dự án 'Xây dựng hệ thống sản xuất – kinh doanh rau hiệu quả, bền vững khu vực Tây Bắc Việt Nam' (AGB/2012/059) được thực hiện với mục tiêu nâng cao lợi ích và tính bền vững cho các hộ sản xuất rau quy mô nhỏ khu vực Tây bắc Việt Nam thông qua tiếp cận thị trường, liên kết các nguồn lực, thực hành kiểm soát dịch bệnh. Dự án đặc biệt quan tâm đến đối tượng phụ nữ và đồng bào người dân tộc thiểu số tham gia vào chuỗi giá trị trồng trọt. Trong 5 ngày, từ 16-20/5/2016, Dự án đã tổ chức Hội thảo đánh giá giữa kỳ tại Hà Nội và Lào Cai.

Hội thảo đánh giá giữa kỳ có sự tham dự của đại diện ACIAR, các đối tác dự án, cán bộ dự án và các chuyên gia đánh giá giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực. Trong hai ngày đầu Hội thảo tại Hà Nội, 14 bài trình bày và poster đã giới thiệu tổng quan các kết quả đạt được của dự án bao gồm các kết quả về phân tích thị trường, phát triển thị trường, phát triển các hệ thống canh tác, xây dựng năng lực và phân tích giới. Hội thảo cũng bố trí các phần giao lưu hỏi-đáp để các chuyên gia đánh giá có thêm cơ hội thảo luận với các cán bộ, hiểu sâu thêm về các hoạt động của dự án. Kết thúc 2 ngày hội thảo tại Hà Nội,

đoàn đánh giá bắt đầu chuyến thực địa tại hai huyện Sa Pa và Bắc Hà. Tại đây, đoàn được tham quan các mô hình thí nghiệm của dự án, gặp gỡ với bà con nông dân và các đối tác thu gom tham gia dự án.

Sau hai năm thực hiện, dự án đã được một số kết quả đáng ghi nhận, bao gồm:

- Tiến hành phân tích thị trường tổng thể đối với 10 loại rau thông thường và 5 loại rau bản địa tại 5 thị trường: Hà Nội, Lào Cai, Sơn La, Yên Bái và Điện Biên, xác định được các kênh cung cấp chính, các vấn đề trong chuỗi tiêu thụ như số lượng, chất lượng, khả năng cung cấp, đồng thời xác định được nhu cầu của người tiêu dùng thông qua các kênh phân phối chính là các chợ bán buôn, bán lẻ, các cửa hàng rau tại các thị trường trên. Dự án cũng đã thu thập được các thông tin về chủng loại, giá bán, chất lượng và nguồn gốc các loại rau tại một số chợ bán buôn, bán lẻ thông qua phỏng vấn các tác nhân địa bàn nội thành Hà Nội và khu vực lân cận; Xây dựng bộ công cụ khảo sát, phương pháp

Xem tiếp trang 19 >>

>> Continued from page 16



Dr Rodd Dyer – Research Program Manager and Dr Hien Phan with DARD's staff and farmers. Photo: ACIAR Vietnam.
TS Rodd Dyer – Giám đốc chương trình nghiên cứu và TS Hiền Phan chụp ảnh cùng cán bộ địa phương và nông dân.
Ảnh: ACIAR Việt Nam.

and assess preferences for vegetable attributes and perceptions of different types of vegetables and attributes.

- Two annual stakeholder workshops have been held to report findings from market and consumer research component, facilitate networking between stakeholders, determine action plan including marketing interventions to be tested. Many connections have been created between producers and distributors in Hanoi and Lao Cai through promotion activities such as tasting event and agricultural product fair. 14 production protocols were identified to be developed in order to support producers in project areas to improve production techniques. Market and production information were collected and developed as calendars to guide producers to understand production and market windows, then meet the market's needs. In terms of postharvest activities, 10 consignments across 3 seasons from Sa Pa and Bac Ha to Hanoi have been tracked in collaboration with Di Thang, Hoa Dao cooperatives and other private sector partners in Hanoi to identify where losses are occurring and determine appropriate interventions.

- A transdisciplinary approach has been followed by the project farming system team to identify best practices that can help smallholders sustainably engage with the market. Diagnostic research including baseline study, nutrient budgeting for single vegetables and farming systems and pest and disease surveys have been conducted to provide understanding of the current situation and constraints to production. Applied research through the implementation of N response trial for H'Mong mustard, cabbages and

broccoli and cabbage club root control trials provided good recommendations that feed into the farming system adaptive trials. Five farming system groups including 31 farmers have been working together with the project team to implement the adaptive trials in three systems: vegetable only, vegetable – rice and vegetable – temperate fruits. Successful practices will then be adopted by the farmers to improve their vegetable production effectively.

- The capacity building impact was reviewed in many aspects such as capacity building for researchers in laboratory, project staffs from institute partners and village researchers through frequent mentoring scheme and short term training initiatives. By referring Farmer Business School (FBS) models in Southeast Asia countries, analyzing and adapting to Vietnam context, a strategy for sustainably upscaling FBS was developed.

- Gender effects were also reviewed from baseline and market surveys of the project. Gender mainstreaming is going to be integrated into rural survey and a small research of a master student of the project.

The review process was a great opportunity for the team to reflect on achievements and identify priorities for the remainder of the project.

For more information, please contact:
Hien Nguyen <nguyenhien77@gmail.com>
Dr Hien Phan <phanthuyhien@yahoo.com>

>> Tiếp theo trang 17

lấy mẫu để xác định xu hướng tiêu dùng rau, địa điểm mua hàng, sở thích và quan niệm của người tiêu dùng đối với các thuộc tính chất lượng của các loại rau khác nhau.

- 2 hội thảo tác nhân thường niên được tổ chức với mục đích trao đổi các thông tin thị trường thu nhận qua điều tra, phân tích và nghiên cứu người tiêu dùng; Thúc đẩy liên kết mạng lưới giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng, xây dựng kế hoạch hoạt động cũng như các biện pháp can thiệp thị trường sẽ được thử nghiệm. Thông qua các hoạt động quảng bá như hội nghị thử nếm, hội chợ hàng nông sản mà dự án tổ chức và tham gia, người sản xuất và nhà phân phối đã có cơ hội gặp gỡ, trao đổi thông tin, từ đó kết nối và hình thành những kênh giao dịch mới. Thông qua thảo luận nhóm lấy ý kiến nông dân, dự án cũng xác định được 14 loại rau cần hỗ trợ xây dựng quy trình sản xuất theo hướng an toàn đồng thời thu thập các thông tin thị trường cung cấp cho nông dân, giúp họ hiểu được mối tương quan giữa sản xuất với thị trường, từ đó chủ động sản xuất có định hướng, đáp ứng được nhu cầu thị trường. Đối với các hoạt động sau thu hoạch, Dự án đã phối hợp với 2 Hợp tác xã Di Thành và Hoa Đào cùng các đối tác bán lẻ tại Hà Nội tiến hành theo dõi 10 lô hàng vận chuyển từ Sa Pa, Bắc Hà về Hà Nội tại thời điểm 3 mùa khác nhau để xác định các khâu thất thoát và đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp.

- Hợp phần sản xuất đã theo sát phương pháp tiếp cận liên ngành nhằm xác định các biện pháp canh tác phù hợp nhất, giúp các hộ sản xuất nhỏ tiếp cận thị trường một cách bền vững. Nghiên cứu chẩn đoán gồm nghiên cứu cơ bản, cân bằng dinh dưỡng đối với từng loại cây trồng và các hệ thống canh tác cũng như các nghiên cứu về sâu bệnh hại đã được

thực hiện để mô tả thực trạng và nêu được các vấn đề gặp phải trong quá trình canh tác. Kết quả nghiên cứu ứng dụng thông qua thử nghiệm phản ứng đậm đối với cây cải mè, cải bắp, xúp lơ xanh, thí nghiệm phòng trừ bệnh sung rể ở cây bắp cải cũng đã được đưa vào các mô hình thí nghiệm tại các hệ thống canh tác. Năm nhóm sản xuất gồm 31 nông dân đã làm việc cùng cán bộ dự án tiến hành các thí nghiệm tại 3 hệ thống canh tác: rau-lúa, rau-rau, rau-cây ăn quả. Các thí nghiệm thành công sẽ được nông dân áp dụng làm tăng tính hiệu quả trong sản xuất rau.

- Tác động về nâng cao năng lực được đánh giá trên nhiều khía cạnh: nâng cao năng lực cho cán bộ làm việc trong phòng thí nghiệm, cán bộ nghiên cứu của các cơ quan đối tác, cán bộ nghiên cứu thực địa... thông qua tiếp xúc, làm việc và tư vấn thường xuyên với các chuyên gia hoặc thông qua các khoá đào tạo ngắn hạn. Dự án cũng tập hợp, tham khảo tài liệu các mô hình lớp học nông dân sản xuất – kinh doanh tại một số quốc gia Đông Nam Á, phân tích và cụ thể hoá vào điều kiện thực tế tại Việt Nam, trên cơ sở đó, xây dựng chiến lược phát triển mô hình lớp học nông dân sản xuất – kinh doanh bền vững.

- Tác động về Giới cũng được đánh giá, rút ra từ các cuộc điều tra cơ bản và điều tra thị trường mà dự án đã triển khai. Lồng ghép Giới sẽ tiếp tục được thực hiện trong các cuộc điều tra nông thôn và trong một nghiên cứu nhỏ của sinh viên thực sỹ của Dự án trong thời gian tới.

Hoạt động đánh giá giữa kỳ là cơ hội tốt để Dự án nhìn lại và phản ánh các kết quả đạt được, đồng thời xác định các hoạt động ưu tiên trong thời gian tiếp theo.



Review team on the way to vegetable field. Photo: ACIAR Vietnam.
Đoàn đánh giá đi thăm ruộng rau. Ảnh: ACIAR Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:
Nguyễn Thị Thu Hiền <nguyenhien77@gmail.com>
TS Phan Thúy Hiền <phanthuyhien@yahoo.com>

Applying Value Network Analysis method to map the knowledge resource of smallholder beef cattle production

By Nguyen Huu Van and Nguyen Thi Da Thao, Hue University of Agriculture & Forestry

Value Network Analysis (VNA) is a social research method used to map social networks that assist the intangible (e.g. knowledge, skill, influence) and tangible (e.g. material, labor, finance) exchanges to create economic and/or social value. These exchanges, the value of the exchanges, and the roles (actors) between which the exchanges take place are mapped out to allow visualization, discussion, understanding and management of the value network. Using the VNA tool, researchers can analyze actors involved and how they are related in a given network; the relative influence of the actors and the possible outcomes (i.e. tangible and intangible values). Furthermore, it can facilitate the process of building relationships and sharing value among actors in the network; identify the key missing links in some parts of the network (support adoption and practice changes); and create more value (speed up scale-out).

ACIAR project LPS/2012/062 ‘Developing productive and profitable smallholder beef enterprises in Central Vietnam’ deployed the VNA method across project farmer groups in Binh Dinh, Phu Yen and Dak Lak provinces to better understand the patterns of knowledge exchange in these communities. Understanding these patterns and the tangible and intangible values of existing interactions will increase the effectiveness of project interventions that aim to further support practice change. In the VNA process, participants were led through 10 steps under the facilitation of researchers to address four key issues:

- 1. Identify important resources in beef cattle production
- 2. Identify the role of individuals/organizations in carrying out and promoting beef cattle production
- 3. Analyze transactions of tangible and intangible assets between individuals/organizations that provide knowledge and beef farmers and
- 4. Analyze the conversion of both tangible and intangible assets into other forms of value.

Knowledge as an important intangible resource to beef cattle production

In the context of beef cattle smallholders, farmers need several resources including land, finance, market access and

breed for their cattle production and farming business. During the VNA application, farmers emphasize the importance of gaining new knowledge of beef cattle production, because the use of the new knowledge helps improve livelihood (Figure 1).

New source of knowledge

Value Network Analysis participants identified four types of new knowledge, based on:

- 1. New forage species
- 2. Management and use of existing feed sources
- 3. Cattle feeding practices, and
- 4. Management of seasonal breeding cycle (lifting calving percentage and reducing calving interval).

The new knowledge came from different sources such as provincial Department of Agriculture and Rural Development (DARD), District Agriculture Extension Division, Farmers’ Union, Beef Breeders’ Club, Non-Government Organizations/ Projects and university researchers, mass media, other farmers and their own experience.

Farmer to farmer exchange (neighbour, relative, and friend) is identified as the most common and effective pathway to transfer knowledge in the communities of the VNA participants (Table 1). The extensive interactions make them especially

Table 1. Informal and formal pathways of exchanging advice and assistance

Informal pathways	1. Talk with other farmers socially
	2. Visit well-performing farmers to learn from their experience
	3. Well-performing farmers visit other farms to give advice
	4. Local agriculture promotion staff visit farms to give advice
	5. Knowledge/skills gained through one’s own farm experience
Formal pathways	1. Knowledge shared at workshops/training courses and group meetings
	2. Study tours
	3. Mass media (television, radio)

More on page 22 >>

Áp dụng phương pháp Phân tích mạng lưới giá trị để sơ đồ hoá nguồn lực kiến thức của nông hộ chăn nuôi bò thịt quy mô nhỏ

Bài viết của Nguyễn Hữu Văn và Nguyễn Thị Dạ Thảo, Trường Đại học Nông, Lâm Huế

Phân tích mạng lưới giá trị (VNA) là một phương pháp nghiên cứu xã hội để sơ đồ hoá các mạng lưới xã hội nhằm thúc đẩy sự trao đổi vô hình (kiến thức, kỹ năng và sự ảnh hưởng) và hữu hình (vật chất, lao động và tài chính) để đạt được các giá trị kinh tế và/hoặc xã hội. Những trao đổi, giá trị của sự trao đổi và vai trò (các tác nhân) được sơ đồ hoá; và cho phép chúng ta hình dung, thảo luận, hiểu và quản lý mạng lưới các giá trị. Sử dụng công cụ VNA, các nhà nghiên cứu có thể phân tích những đối tác nào tham gia vào mạng lưới cũng như mối liên kết giữa chúng, tầm ảnh hưởng của các đối tác cũng như các kết quả có thể đạt được (bao gồm các giá trị hữu hình & vô hình). Hơn nữa, nó có thể thúc đẩy quá trình xây dựng các mối quan hệ và chia sẻ giá trị giữa các tác nhân trong mạng lưới; xác định các mối liên kết quan trọng bị khuyết trong mạng lưới (hỗ trợ sự áp dụng và thay đổi các thực hành); và tạo ra nhiều giá trị hơn (thúc đẩy quá trình nhân rộng).

Dự án ACIAR LPS/2012/062 ‘*Nâng cao sức sản xuất bền vững và hiệu quả của các nông hộ chăn nuôi bò ở miền Trung Việt Nam*’ đã sử dụng phương pháp VNA để hiểu rõ hơn về xu hướng của sự trao đổi kiến thức của các nhóm nông dân tại 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên và Đắk Lắk. Nắm được các xu hướng này và các giá trị vô hình và hữu hình tồn tại trong các tương tác sẽ tăng hiệu quả của các giải pháp, nhằm giúp thúc đẩy sự thay đổi trong các thực hành sau này. Trong suốt tiến trình thực hiện VNA, nông dân tham gia các hoạt động gồm 10 bước dưới sự thúc đẩy của nhà nghiên cứu để giải quyết 4 vấn đề quan trọng sau:

1. Xác định các nguồn lực quan trọng của nông hộ trong chăn nuôi bò
2. Xác định vai trò của các cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện các chức năng và thúc đẩy sự phát triển chăn nuôi bò
3. Phân tích các tương tác của tài sản hữu hình và vô hình giữa các cá nhân/tổ chức cung cấp kiến thức và nông dân
4. Phân tích sự chuyển hoá của tài sản hữu hình và vô hình sang các hình thức khác của giá trị.

Kiến thức là một tài sản vô hình quan trọng trong chăn nuôi bò thịt

Đối với sản xuất bò thịt quy mô nông hộ, người nông dân cần nhiều nguồn lực như đất đai, tài chính, tiếp cận thị trường, bỏ giống để phát triển chăn nuôi. Trong quá trình thực hiện VNA,

nông dân nhấn mạnh vai trò quan trọng của các kiến thức mới bởi khi áp dụng các kiến thức này, nó sẽ giúp họ cải thiện sinh kế (Sơ đồ 1).

Nguồn kiến thức

Người tham gia VNA phân chia các kiến thức mới thành 4 nhóm dựa trên:

1. Các giống cỏ mới
2. Quản lý và sử dụng các nguồn thức ăn sẵn có
3. Thực hành nuôi dưỡng, và
4. Quản lý sinh sản theo mùa (nâng cao tỷ lệ sinh sản và rút ngắn khoảng cách lứa đẻ).

Những kiến thức này được tiếp cận từ các nguồn khác nhau như Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trạm Khuyến nông huyện, Hội Nông dân, Câu lạc bộ chăn nuôi bò, các Tổ chức phi chính phủ/Dự án và Trường Đại học, các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc từ các hộ nông dân khác cũng như kinh nghiệm của riêng họ.

Tương tác trực tiếp giữa các nông dân với nhau (hàng xóm, người thân và bạn bè) là phương thức hiệu quả và phổ biến nhất để chuyển giao kiến thức trong cộng đồng của những người tham gia VNA (Bảng 1). Những tương tác tích cực này

Bảng 1. Các phương thức chính thức và phi chính thức để trao đổi kiến thức mới

Phương thức phi chính thức	1. Nói chuyện với những nông dân khác
	2. Viếng thăm nông trại của nông dân giỏi để học hỏi
	3. Nông dân giỏi viếng thăm nông trại khác để đưa ra lời khuyên
	4. Cán bộ khuyến nông thăm nông trại để đưa ra lời khuyên
	5. Kiến thức bản thân tích lũy được
Phương thức chính thức	1. Kiến thức được chia sẻ ở các hội thảo/tập huấn và họp nhóm
	2. Các chuyến tham quan học tập
	3. Phương tiện thông tin đại chúng (tivi, radio)

Xem tiếp trang 23 >>

>> Continued from page 20

important sources of knowledge for others. Farmers often give their advice through informal social interaction between farmers: visits to well-performing farmers to learn from their experience; or through visits from well-performing farmers to give advice. The significant advantage of this method is its convenience as farmers can exchange knowledge whenever they have free time and need information.

Farmers also acknowledge the significance of experiences and knowledge accumulated through their own production process. Each household has different socio-economic conditions, so it is essential for them to fully understand their own farming systems and incorporate their own problem solving skills in farm development.

Farmers appreciate experienced researchers from non-government organisations/projects and universities, who organise training courses, workshops, demonstrations or study tours for farmers to update the latest knowledge. In Dak Lak Province, numerous beef breeders' clubs were established under the assistance of governmental and non-governmental organizations whereas ACIAR project and Tay Nguyen University researchers have demonstrated their vital role in promoting knowledge exchange and the adoption of new cattle production practices. Therefore, ACIAR project LPS/2012/062 is accelerating the establishment of cattle clubs in the other study sites (Binh Dinh and Phu Yen Provinces).

NEW KNOWLEDGE

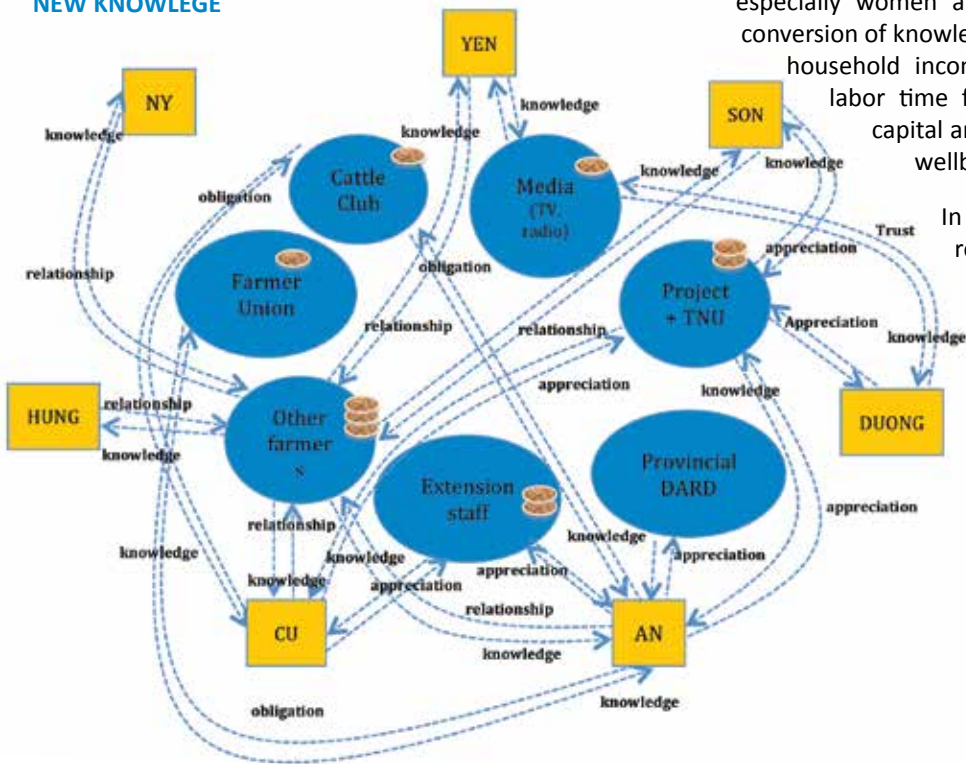


Figure 1. A knowledge transfer map developed through Value Network Analysis shows tangible and intangible exchanges between farmers and knowledge providers.

Table 2. Conversion of knowledge into other forms of value

Types of new knowledge (Intangible)	Increased household income (Tangible)	Reduced labor time for cattle production (Intangible)	Enhanced social capitals among farmers (Intangible)	Improved household wellbeing (Intangible)
1.New for-age species	✓	✓	✓	✓
2.Management and use of existing feed sources	✓	✓	✓	✓
3.Cattle feeding practices	✓		✓	✓
4.Management of seasonal breeding cycle	✓	✓	✓	✓

Knowledge transactions and the conversion of knowledge into other forms of value

When farmers receive new knowledge from stakeholders, they exchange strengthened relationships in return (intangible assets) and sometimes show their appreciation in tangible ways through inviting knowledge providers to social parties or returning help when they were in need. Acquiring new knowledge has provided significant benefits to farmers, especially women and girls (Table 2). There has been a conversion of knowledge (intangible resource) into increased household income (tangible value) and into reduced labor time for cattle production, enhanced social capital among farmers, and improved household wellbeing (intangible benefits).

In conclusion, VNA is a tool used by researchers to better understand the knowledge exchange patterns in smallholder beef cattle production systems. In the example mentioned above, we have learned about the most important individuals and organizations in providing knowledge, and what knowledge is most significant to farmers. This understanding can enable appropriate interventions in the future and aid the process of introducing complimentary knowledge exchange roles and pathways.

For more information, please contact:
Nguyen Huu Van <vanobihro@yahoo.com>
Nguyen Thi Da Thao <ngthdathao@yahoo.com>

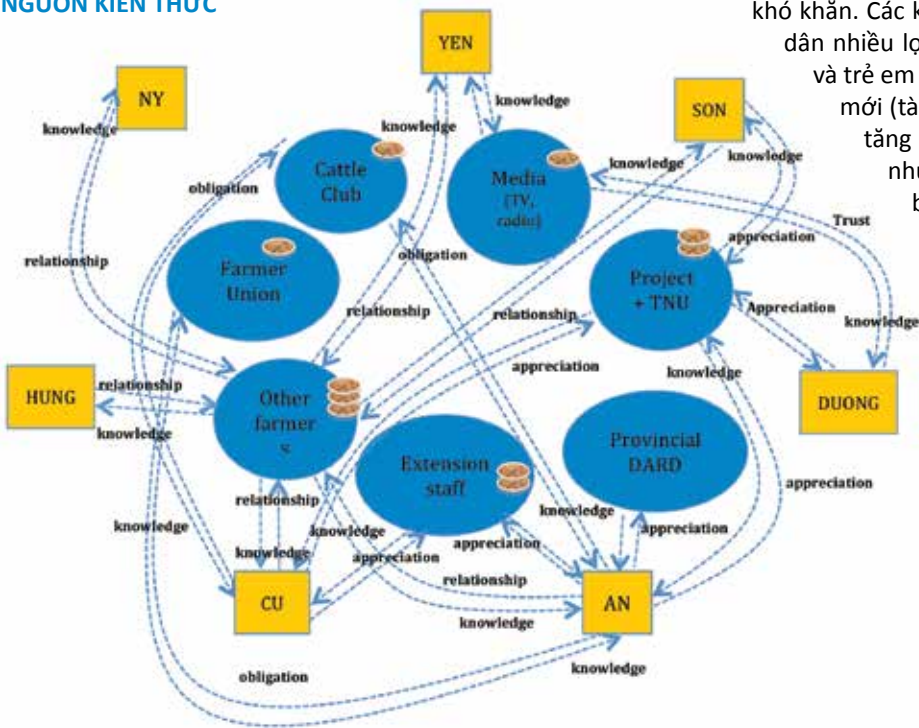
>> Tiếp theo trang 21

đã giúp họ trở thành các nguồn kiến thức đặc biệt cho các nông dân khác. Nông dân thường đưa ra lời khuyên thông qua các tương tác xã hội giữa các nông dân, thăm nông trại của nông dân sản xuất giỏi để tham quan và học hỏi, và nông dân sản xuất giỏi đến thăm nông dân khác để cho lời khuyên. Ưu điểm chính của phương pháp này là dễ tiếp cận khi nông dân có thể trao đổi với nhau mọi lúc khi có thời gian rảnh rỗi và cần thông tin.

Họ cũng thừa nhận tầm quan trọng của những kinh nghiệm và kiến thức tích lũy được thông qua quá trình sản xuất. Mỗi nông hộ đều có những điều kiện về kinh tế - xã hội khác nhau, vì vậy, việc hiểu rõ hệ thống sản xuất và kết hợp với các kỹ năng giải quyết vấn đề là rất cần thiết cho sự phát triển của nông hộ.

Nông dân đánh giá cao hoạt động của các nhà nghiên cứu từ các Tổ chức Phi chính phủ/Dự án và trường đại học, những người thường xuyên tổ chức các khoá tập huấn, hội thảo, mô hình trình diễn hay các đợt tham quan học tập cho nông dân để cập nhật các kiến thức mới nhất. Ở Đắk Lắk, nhiều câu lạc bộ chăn nuôi bò được thành lập nhờ sự hỗ trợ của các cơ quan tổ chức chính phủ và phi chính phủ, dự án ACIAR và Trường Đại học Tây Nguyên đã chứng tỏ được vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình trao đổi và áp dụng các kỹ thuật mới trong chăn nuôi bò. Vì thế dự án ACIAR LPS/2012/062 đang xúc tiến để thành lập các câu lạc bộ tại các điểm khác của dự án (tỉnh Bình Định và Phú Yên).

NGUỒN KIẾN THỨC



Sơ đồ 1. Sơ đồ nguồn kiến thức được phát triển từ VNA, mô tả các trao đổi vô hình & hữu hình giữa nông dân và tác nhân cung cấp kiến thức.

Bảng 2. Sự chuyển hoá từ kiến thức mới sang các hình thức khác của giá trị

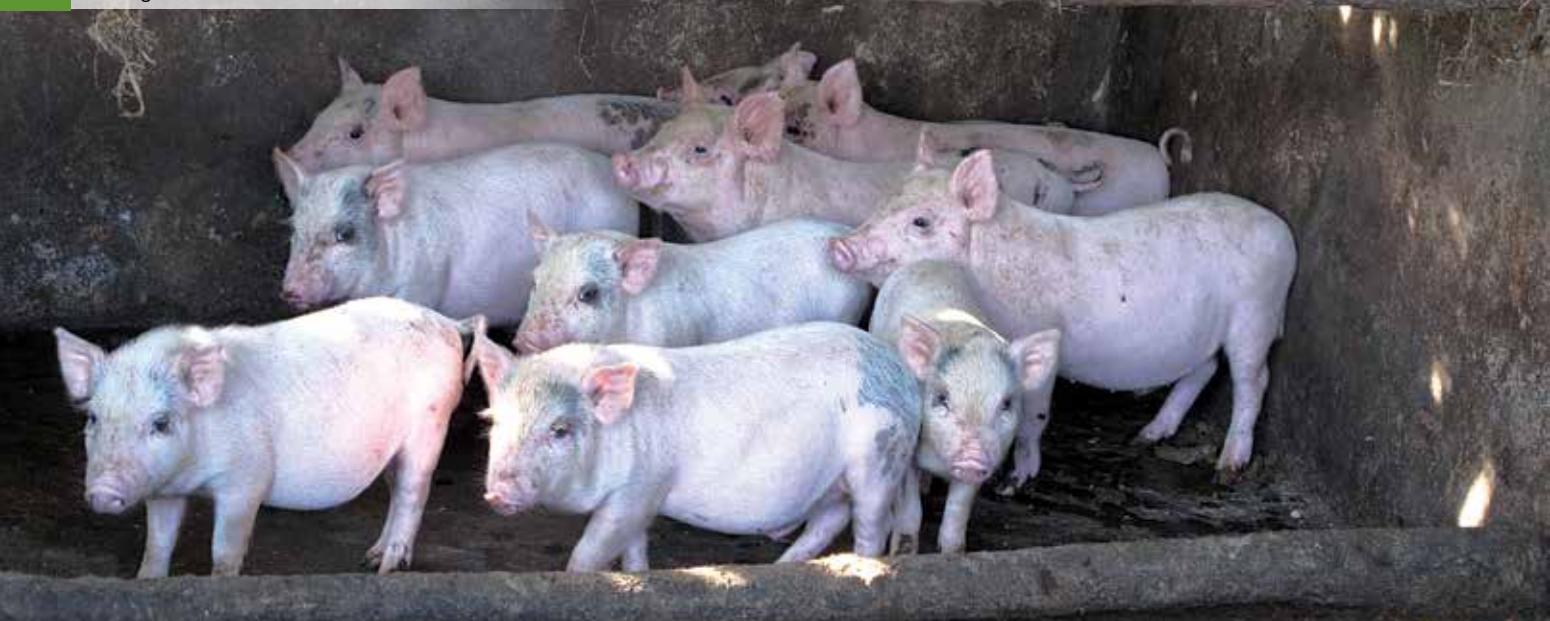
Phân loại các kiến thức mới (Vô hình)	Tăng thu nhập (Hữu hình)	Giảm thời gian lao động trong chăn nuôi bò (Vô hình)	Tăng các nguồn vốn xã hội (Vô hình)	Cải thiện hạnh phúc gia đình (Vô hình)
1.Các giống cỏ mới	✓	✓	✓	✓
2. Quản lý và sử dụng các nguồn thức ăn sẵn có	✓	✓	✓	✓
3. Thực hành nuôi dưỡng	✓		✓	✓
4. Quản lý sinh sản theo mùa	✓	✓	✓	✓

Các tương tác của kiến thức và sự chuyển hoá từ kiến thức mới sang các hình thức khác của giá trị

Khi nông dân nhận được các kiến thức mới từ các đối tác trên, họ thường tăng cường trao đổi các mối quan hệ qua lại (tài sản vô hình) và thỉnh thoảng họ bày tỏ sự cảm kích thông qua các cách hữu hình như mời những người cung cấp kiến thức mới đến dự các buổi tiệc hay sẵn sàng giúp đỡ khi họ gặp khó khăn. Các kiến thức đạt được đã mang lại cho nông dân nhiều lợi ích đáng kể, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em gái. Đã có sự chuyển hoá từ các kiến thức mới (tài sản vô hình) sang thu nhập của nông hộ tăng lên (giá trị hữu hình) và các giá trị vô hình như giảm thời gian lao động trong chăn nuôi bò, tăng cường các nguồn vốn xã hội giữa những người nông dân và cải thiện hạnh phúc gia đình.

Tóm lại, VNA là một công cụ được các nhà nghiên cứu sử dụng để hiểu rõ hơn về các xu hướng trao đổi kiến thức trong các hệ thống chăn nuôi bò thịt quy mô nông hộ nhỏ. Trong ví dụ này, chúng ta nắm được ai là những cá nhân và tổ chức quan trọng nhất trong việc cung cấp kiến thức, và kiến thức nào là quan trọng nhất đối với nông dân. Các thông tin này có thể cung cấp những giải pháp hợp lý trong tương lai và hỗ trợ cho quá trình giới thiệu những vai trò và phương pháp trao đổi kiến thức.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:
Nguyễn Hữu Văn <vanobihiro@yahoo.com>
Nguyễn Thị Dạ Thảo <ngthdathao@yahoo.com>



Piglets on a smallholder farm. Piglets face the greatest disease exposure risk and experience the greatest mortality compared to other age classes of stock. Photo: Tran Thi Ngan

Lợn con ở trang trại nông hộ nhỏ, đối tượng dễ nhiễm bệnh nhất. Ảnh: Trần Thị Ngân

PigRisk – Food Safety along the Pig Value Chain

By Dr Fred Unger and Dr Nguyen Viet Hung, International Livestock Research Institute (ILRI)

The Issue – Is our food safe?

Food safety is of great concern to both Vietnamese consumers and policymakers, and is frequently reported in the media and in high-level policy discussions. This includes pork which is consumed in high volumes by the Vietnamese population. PigRisk, a five-year Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR) project (code LPS/2010/047, 2012–2017), led by the International Livestock Research Institute (ILRI), aims to improve the livelihoods of smallholder pig farmers in Vietnam and improve food safety in the pork value chain.

The PigRisk approach - One Health framework

The project uses a multi-disciplinary and risk-based approach to conduct an assessment of the smallholder pork value chain in Vietnam and identify disease risks in the value chain. Each PigRisk team works on a component of the value chain; the Hanoi School of Public Health (HSPH) team focuses on food safety and health risk assessment, whilst the Vietnam National University of Agriculture (VNUA) concentrates on economic assessment and pig health.

PigRisk outcomes

PigRisk has achieved several outputs to date, including: maps and descriptive analysis of the pork value chain; assessment

of economic and production constraints for pig farmers; and chemical and biological risk assessment along the pork value chain. The project has also developed models that provide quantitative risk assessment and estimate the burden of disease associated with pathogens in the pork value chain. This was the first time that these models had been used for food safety in Vietnam.

Some of the key findings:

- *Disease risk in the pork value chain, and at the farm level, piglets are most susceptible. E.g. diseases can cause loss of some 13-17% of total income from pig production.*
- *High contamination of hazards along the pork value chain (farm, slaughterhouse, market). E.g. 44% Salmonella contamination in market pork.*
- *Basic farm biosecurity measures are limited. E.g. only a few farmers in study areas use disinfection matrices or restrict visitors from accessing the farm.*

More on page 26 >>



PigRISK researcher, Dang Xuan Sinh, samples a pork carcass during pilot trials in Hung Yen Province. The stainless steel grid was custom built to keep carcass off the floor and reduce contamination. Photo: Fred Unger
Nhà nghiên cứu Đặng Xuân Sinh trong dự án PigRisk đang lấy mẫu thịt lợn tại lò mổ thí điểm ở tỉnh Hưng Yên. Giá thép không gỉ được thiết kế để giữ thịt lợn cách khỏi mặt sàn, tránh nhiễm khuẩn. Ảnh: Fred Unger

PigRisk - An toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn

Bài viết của TS Fred Unger và TS Nguyễn Việt Hùng, Viện Nghiên cứu chăn nuôi quốc tế (ILRI)

Vấn đề đặt ra – liệu thực phẩm của chúng ta có an toàn?

An toàn thực phẩm là mối quan tâm hàng đầu đối với người tiêu dùng và các nhà hoạch định chính sách Việt Nam, và thường xuyên được đề cập trên các phương tiện truyền thông và trong các cuộc thảo luận chính sách cấp cao. Một trong số những loại thực phẩm được chú trọng là thịt lợn, mặt hàng được người Việt tiêu thụ với số lượng lớn. PigRisk (LPS/2010/047) là một dự án kéo dài 5 năm (2012 – 2017) do Viện Nghiên cứu Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) triển khai, nhằm cải thiện sinh kế của các hộ nông dân chăn nuôi lợn ở Việt Nam và cải thiện an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn.

Phương pháp tiếp cận PigRisk - Khuôn khổ ‘Một sức khỏe’

Dự án sử dụng phương pháp tiếp cận đa ngành và dựa trên nguy cơ để tiến hành đánh giá chuỗi giá trị thịt lợn quy mô nông hộ và xác định các nguy cơ mầm bệnh trong chuỗi giá trị. Mỗi nhóm thuộc dự án PigRisk nghiên cứu về một yếu tố nhất định của chuỗi giá trị; cụ thể như Trường Đại học Y tế công cộng (HSPH) tập trung đánh giá về an toàn thực phẩm và nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) tập trung đánh giá về mặt kinh tế và tình trạng sức khỏe lợn nuôi.

Kết quả dự án PigRisk

Đến nay, dự án PigRisk đã đạt được một số kết quả nhất định, bao gồm: bản đồ và phân tích mô tả chuỗi giá trị thịt lợn; đánh

Một vài phát hiện quan trọng:

- Phát hiện được nguy cơ bệnh tật trong chuỗi giá trị thịt lợn, và ở quy mô trang trại, lợn con là đối tượng có nguy cơ nhiễm bệnh cao nhất. Thiệt hại do bệnh có thể lên đến 13% -17% tổng thu nhập từ chăn nuôi lợn.
- Mức độ ô nhiễm cao từ các tác nhân trong chuỗi giá trị thịt lợn (trang trại, lò mổ, thị trường), ví dụ: 44% thịt lợn trên thị trường nhiễm khuẩn *Salmonella*.
- Các biện pháp cơ bản đảm bảo an toàn sinh học tại trang trại còn hạn chế, ví dụ: chỉ một số ít nông dân ở khu vực nghiên cứu sử dụng các biện pháp khử trùng hoặc hạn chế người lạ vào trang trại.

giá những hạn chế về kinh tế và trong sản xuất mà người nuôi lợn gặp phải; đánh giá nguy cơ sinh hóa theo chuỗi giá trị thịt lợn. Dự án cũng đã phát triển các mô hình đánh giá nguy cơ về mặt định lượng và đánh giá thiệt hại gây ra bởi bệnh tật đối với các loại mầm bệnh trong chuỗi giá trị thịt lợn. Cả hai phương pháp đánh giá này đều được thực hiện lần đầu tiên tại Việt Nam.

Xem tiếp trang 27 >>

>> Continued from page 24



ACIAR representatives and project team from ILRI, VNUA and HSPH pose for a photo. Photo: ILRI
Đại diện ACIAR và các thành viên dự án, bao gồm ILRI, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA) và Trường Đại học Y tế công cộng (HSPH).
Ảnh: ILRI

Challenge

Challenges exist in the unique nature and characteristics of the smallholder pork value chain. The value chain is more dynamic than static, e.g. changes in consumer preference and supply particularly around occasions such as Lunar New Year (Tet) can leave these value chain actors exposed to market fluctuations and make consistent food safety interventions difficult. Furthermore, consumer trust in branding and certification for safe food in Vietnam is often low while engaging these consumers to place trust in safer pork is essential. This is one of the key areas identified to consider the feasibility of applying sustainable incentive-based interventions for food safety.

Mid-term review, March 2016

The PigRisk project held its mid-term review from 8 - 11 March 2016, which was also attended by ACIAR representatives. During the course of the review, field visits were made to Hung Yen and Nghe An provinces, the PigRisk project's study sites. The visits gave the project team and attendants an opportunity to engage in discussion with various stakeholders in the pork value chain, including farmers, retailers and slaughterhouse owners.

Capacity building – focus on research teams

Along with the research and social impact, PigRisk has provided a significant opportunity for the facilitation of a multi-disciplinary approach towards food safety and value chain

assessments. The PigRisk team brought together economic experts, public health specialists, and veterinary scientists to develop a synergistic 'one health' approach to addressing issues of food safety and disease risks. Apart from various training courses, the project has helped the VNUA economics team gain recognition as 'specialists in value chains'. The project has also provided HSPH and VNUA researchers with opportunities to be exposed to the development and use of System Dynamics and Quantitative Microbial risk assessment (QMRA) models.

Next steps

As the project moves towards completion in 2017, the cross-collaborative approach will continue as a number of studies and methodologies are brought together to provide the framework for key policy messages of the project. In partnership with local policymakers and stakeholders, PigRisk will also look closely at development and implementation of food safety and disease mitigation interventions for the pork value chain.

HSPH researcher

'Based on the PigRisk research process and findings from the chemical risk assessment, I developed a case study on chemicals in pork for the 'Environmental Health Risk and Health Impact Assessment' course for Master of Public Health students.'

VNUA economic researcher

'I deliver lectures on 'Principles of Statistics'. Before PigRisk, I found it hard to give examples. Now, with research experience from PigRisk, it is easier to provide information on current and local situations, such as food safety issues. Previously, it was just assumptions.'

For further information, please contact:

Dr Fred Unger <F.Unger@cgiar.org>

Dr Nguyen Viet Hung <H.Nguyen@cgiar.org>

>> Tiếp theo trang 25

Thách thức

Những thách thức nằm ở tính chất và đặc điểm riêng của chuỗi giá trị thịt lợn quy mô hộ chăn nuôi nhỏ. Chuỗi giá trị này luôn thay đổi và không cố định, có thể kể đến như sự thay đổi trong thị hiếu của người tiêu dùng cũng như lượng thịt cung ứng trên thị trường vào những dịp như Tết Nguyên đán, khiến cho các thành phần của chuỗi giá trị bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường và gây khó khăn cho việc thực hiện các biện pháp can thiệp thích hợp đảm bảo an toàn thực phẩm. Hơn nữa, người tiêu dùng ở Việt Nam thường không tin tưởng vào thương hiệu và giấy phép chứng nhận thực phẩm an toàn, trong khi điều quan trọng là cần phải khiến người tiêu dùng đặt niềm tin vào những sản phẩm thịt an toàn. Đây là một trong những lĩnh vực quan trọng để xét tính khả thi của việc áp dụng các biện pháp can thiệp bền vững nhằm thúc đẩy an toàn thực phẩm.

Đánh giá giữa kỳ - Tháng Ba 2016

Dự án đã tổ chức đánh giá giữa kỳ từ ngày 8 đến 11 tháng 3 năm 2016. Trong quá trình đánh giá, các thành viên dự án đã tới thăm 2 tỉnh Hưng Yên và Nghệ An, địa bàn nghiên cứu của PigRisk. Chuyến đi này là cơ hội để đội ngũ thực hiện cũng như những người thẩm định dự án được thảo luận với các bên liên quan trong chuỗi giá trị thịt lợn, bao gồm nông dân, người bán lẻ và các chủ lò mổ.

Nâng cao năng lực - tập trung chủ yếu vào các nhóm nghiên cứu

Song song với việc mang lại các tác động về xã hội và nghiên cứu, PigRisk cũng mở ra cơ hội lớn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng hướng tiếp cận đa ngành vào đánh giá an toàn thực phẩm và chuỗi giá trị. Đội ngũ PigRisk hội tụ các chuyên gia về kinh tế, y tế công cộng và thú y, cho ra hướng tiếp cận hợp nhất ‘một sức khỏe’ để giải quyết các vấn đề về an toàn thực phẩm và nguy cơ bệnh tật. Ngoài các khóa đào tạo khác nhau, dự án góp phần giúp nhóm kinh tế VNUA được công nhận là ‘chuyên gia về chuỗi giá trị’. Dự án cũng tạo cơ hội cho các nghiên cứu viên của HSPH và VNUA được tiếp xúc với quá trình phát triển và sử dụng các mô hình Động lực học hệ thống và Đánh giá định lượng nguy cơ vi sinh vật (QMRA).

Các bước tiếp theo

Khi dự án tiến tới hoàn thành vào năm 2017, các hợp tác chéo vẫn tiếp tục được thực hiện, một số nghiên cứu và phương pháp được tập hợp lại để tạo khuôn khổ cho những thông điệp quan trọng mang tính chính sách của dự án. Trong quan hệ đối tác với các nhà hoạch định chính sách địa phương và các bên liên quan, PigRisk cũng theo dõi chặt chẽ việc phát triển và thực hiện các biện pháp can thiệp an toàn thực phẩm và giảm thiểu dịch bệnh cho các chuỗi giá trị thịt lợn.

Nhà nghiên cứu từ HSPH:

‘Từ quá trình nghiên cứu PigRisk và kết quả đánh giá rủi ro hóa chất, tôi đã phát triển một case study về hóa chất trong thịt lợn cho khóa học ‘Đánh giá nguy cơ và tác động của môi trường đến sức khỏe’ đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng.’

Nhà nghiên cứu kinh tế từ VNUA:

‘Tôi giảng dạy môn ‘Lý thuyết thống kê’. Trước dự án PigRisk, tôi khó tìm được các ví dụ. Bây giờ, với kinh nghiệm nghiên cứu từ PigRisk, việc cung cấp thông tin về tình hình hiện tại và tình hình địa phương trở nên dễ dàng hơn, chẳng hạn như vấn đề an toàn thực phẩm. Trước đó chỉ là giả thuyết’.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:
TS Fred Unger <F.Unger@cgia-r.org>
TS Nguyễn Việt Hùng <H.Nguyen@cgia-r.org>





Research partners at the annual meeting in May 2016 in Nha Trang City, Khanh Hoa Province. Photo: Dr. Kelli - Sunshine Coast University

Các đối tác nghiên cứu tại cuộc họp đánh giá hồi tháng 5 năm 2016 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ảnh: TS Keli – Đại học Sunshine Coast

Midterm review of giant grouper project

By Nguyen Huu Ninh, Research Institute for Aquaculture No.3 (RIA 3)

The project 'Developing technologies for giant grouper (*Epinephelus lanceolatus*) aquaculture in Vietnam, the Philippines and Australia', FIS/2012/101 (2014-2018), aims to establish a sustainable aquaculture industry for giant grouper in the South-East Asia region.

Specifically, the project will develop reliable captive-breeding and larval-rearing technologies for giant grouper, explore the potential of germ-cell transplantation and surrogate technologies to giant grouper seed production, apply genetic approaches to broodstock management, and build capacity in the forms of knowledge transfer and training on larval rearing, genetics and biotechnology as it applies to giant grouper aquaculture.

The mid-term review was held at the Research Institute for Aquaculture No.3 (RIA3) from May 15–18, 2016. Project partners attending the meeting included representatives from the University of the Sunshine Coast (USC) in Australia, the South-East Asian Fisheries Development Center (SEAFDEC) in the Philippines, the Research Institute for Aquaculture No.1 (RIA1) and Research Institute for Aquaculture No.3 (RIA3), the National Taiwan Ocean University (NTOU), ACIAR Vietnam,

and ACIAR Fisheries Research Program Manager, Dr Chris Barlow. The meeting reviewed the results and milestones of the project and developed strategies as well as research and a training plan for the next phase.

Results

Determine earliest age for sex reversal of broodfish

Sex reversal of the broodstock (from female to male) is carried out through the administration of slow-release methyl testosterone (MT) implanted into the fish. One of the MT trials on the giant grouper broodstock of 9-26 kg/fish done at SEAFDEC from December 2015 to April 2016 resulted in a decreased level of mucus vitellogenin, which suggested that the sex of treated fish changed towards males. In addition, research at USC on inhibition of the aromatase enzyme was also implemented to hasten the transition from female to male. In the coming time, the USC will cooperate with Prof Ming-Wei Lu - National Taiwan Ocean University (NTOU) to develop the RNAi for silencing aromatase enzyme in sex reversal process.

More on page 30 >>



Đoàn nghiên cứu đi thăm lồng nuôi cá Song vua tại vịnh Vũng Rô, tỉnh Khánh Hòa. Photo: Trương Quốc Thái – RIA3
Researchers visit trial in Vung Ro Bay, Khanh Hoa Province. Ảnh: Trương Quốc Thái – RIA3

Đánh giá giữa kỳ dự án cá song vua

Bài viết của Nguyễn Hữu Ninh, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III

Dự án 'Phát triển công nghệ nuôi cá Song vua (*Epinephelus lanceolatus*) ở Việt Nam, Philippines và Úc', FIS/2012/101 (2014-2018), được thực hiện nhằm từng bước xây dựng ngành công nghiệp nuôi cá Song vua bền vững tại khu vực Đông Nam Á.

Cụ thể, dự án sẽ phát triển công nghệ sinh sản nhân tạo cá Song vua trong điều kiện nuôi nhốt và quy trình công nghệ cấy ghép tế bào mầm và các công nghệ thay thế để sản xuất giống; ứng dụng những phương pháp về di truyền trong việc quản lý đàn cá bố mẹ, xây dựng năng lực nuôi cá Song vua thông qua việc chuyển giao kiến thức và tập huấn về ương nuôi ấu trùng, di truyền và công nghệ sinh học.

Từ ngày 15-18 tháng 5 năm 2016, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (RIA 3) đã tổ chức họp đánh giá kết quả giữa kỳ của dự án. Thành viên tham gia cuộc họp gồm các đại diện đến từ trường Đại học Sunshine Coast (USC) - Úc, Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC) - Phillipines, Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I (RIA 1), Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III (RIA 3) , Đại diện ACIAR - Việt Nam, trường Đại học quốc gia Hải Dương - Đài Loan, cùng Giám đốc chương trình nghiên cứu Thủy sản của ACIAR, TS Chris Barlow. Tại cuộc họp

này, các kết quả quan trọng của dự án đã được xem xét đánh giá; đồng thời xây dựng định hướng kế hoạch nghiên cứu, đào tạo trong giai đoạn tiếp theo của dự án.

Kết quả thực hiện

Xác định sớm nhất độ tuổi cho chuyển đổi giới tính cá bố mẹ

Chuyển đổi giới tính đàn cá bố mẹ (từ cá cái sang cá đực) thực hiện thông qua sử dụng hormon Methyl Testosterone (MT). Kết quả tiêm MT được thực hiện tại SEAFDEC/AQD từ 12/2015 đến 4/2016 với khối lượng cá dao động 9-26 kg cho thấy nồng độ vitellogenin đã giảm, đưa ra nhận định rằng giới tính của cá thay đổi theo hướng đực. Bên cạnh đó, các nghiên cứu nhằm ức chế các enzym aromatase cũng đã được thực hiện để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ cá cái sang cá đực tại USC. Trong thời gian tới, USC sẽ hợp tác với GS.TS Ming-Wei Lu - Đại học Hải Dương Quốc gia Đài Loan (NTOU) để phát triển các kỹ thuật ARNi nhằm bất hoạt enzym aromatase trong quá trình chuyển đổi giới tính.

Khảo sát tiềm năng cấy ghép tế bào mầm và các công nghệ thay thế để sản xuất giống cá Song vua

Xem tiếp trang 31 >>

>> Continued from page 28

Explore the potential of germ-cell transplantation and surrogate technologies as alternative approaches to giant grouper seed production.

There were some difficulties in applying germ cell transplantation on giant grouper: unavailability of male donors, and the morphology and 'sensitive' nature of grouper larvae hosts and their stress response. The important points that determine germ cell transplantation success are: (1) to determine the proper age of host larvae, and (2) to optimize the germ cell transplantation protocol. At SEAFDEC, two germ cell transplantation trials were conducted on *E. fuscoguttatus*, in which germ cell of *E. fuscoguttatus* was the donor while *E. coioides* was the host larvae. The hybrid groupers are considered as an excellent host if they are sterilized. The sterility of hybrid groupers still needs to be confirmed.

Develop reliable larval rearing technologies for giant grouper

This is one of the most important purposes of the project because further steps, such as the genetic program, will mainly depend on the availability of giant grouper seeds. RIA3 and SEAFDEC will conduct experiments to apply feeding regime of copepods or combine copepods and rotifer in the coming time. Furthermore, it is necessary to identify genes expression in the digestive systems of giant grouper larvae throughout their developmental stages, and the feeding habits of giant grouper larvae will be done by Prof Abigail Elizur (USC). During the meeting at RIA3, Mr Feng-Jie Su (NTOU) presented the success on seed reproduction of giant grouper in Taiwan. He emphasized the importance of quality of broodfish and eggs, live food (*rotifers, copepods and Artemia*) and environmental condition management for reproducing seed of giant grouper. Development of nursing technology is a key point in the project and it will be conducted on the giant grouper broodstock of RIA3, RIA1 and SEAFDEC.

Apply genetic approaches to broodstock management

Dr Wayne Knibb (USC) succeeded in developing genetic marker for parentage assignment and pedigree analysis of giant grouper, which provides scientific grounds for the seed production of giant grouper and their hybrid of good quality and without inbreeding.

Research on the VNN disease in culturing grouper

The Viral nervous necrosis (VNN) has been noted in marine finfish in Vietnam over past decades but no effective treatment method has been found. The research at USC showed that VNN isolated from Vietnam and Taiwan was a single stranded RNA virus. A new strategy for grouper industry in VNN prevention was presented by Prof Ming-Wei Lu (NTOU, Taiwan). He developed a RNA interference (RNAi) technology that specifically inhibits VNN replication, thus the technique is effective in preventing as well as treating VNN disease outbreaks. This RNAi technology is now utilized by grouper

farmers in Taiwan.

The action plans for research and training:

- Applying a specific protocol for biosecurity in the hatchery.
- Frequently monitoring environmental parameters and producing a monthly report.
- Developing stable technology for spawning and larval nursing.
- Conducting more transplantation trials and successfully rearing the transplanted larvae.
- Testing the biological activity of recombinant follicle stimulating hormone in an in vitro cell assay and in vivo in giant grouper.
- Cooperating with the National Taiwan Ocean University to share sterilized egg protocol and larval rearing protocol by adding fresh water.
- Producing hybrid grouper between tiger grouper and giant grouper.
- Training and experience exchange between partners: Australia, the Philippines, Taiwan and Vietnam.



Researchers visit trial in Cam Ranh City, Khanh Hoa Province.

Photo: Truong Quoc Thai – RIA3

Đoàn nghiên cứu đi thăm trại nuôi cá Song vua tại Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Ảnh: Trương Quốc Thái – RIA3

For more information, please contact Dr Nguyen Huu Ninh:
<nguyenuinh@ria3.vn>

>> Tiếp theo trang 29

Kỹ thuật cấy ghép tế bào có một số khó khăn khi áp dụng trên cá Song vua như: Khó tìm được cá đực cho tế bào mầm, hình thái và bản chất 'nhảy cảm' của ấu trùng nhận tế bào mầm và phản ứng stress sau khi thực hiện thí nghiệm. Những điểm quan trọng để cấy ghép tế bào mầm thành công là: (1) Xác định tuổi của ấu trùng nhận tế bào mầm, và (2) tối ưu hóa các phương pháp cấy ghép. Tại SEAFDEC, hai thử nghiệm cấy ghép tế bào mầm đã được tiến hành trên cá Song hổ (E. fuscoguttatus), trong đó cá Song hổ là đối tượng cho tế bào mầm, và ấu trùng cá Song chấm nâu (E. coioides) là đối tượng nhận tế bào mầm. Cá Song lai được xem là ấu trùng vật chủ tốt nếu chúng được vô trùng. Phương pháp vô trùng của cá Song lai vẫn cần được nghiên cứu.

Phát triển quy trình công nghệ ương nuôi ấu trùng cho cá Song vua

Đây là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của dự án, tạo cơ sở thực hiện được những bước tiếp theo. RIA3 và SEAFDEC sẽ thực hiện thí nghiệm trong thời gian tới về việc sử dụng copepods hoặc kết hợp giữa copepods và luân trùng trong ương nuôi. Hơn nữa, việc xác định biểu hiện gen trong hệ thống tiêu hóa của ấu trùng cá Song vua qua các giai đoạn phát triển và việc xác định những thói quen ăn của ấu trùng sẽ được thực hiện bởi GS.TS Abigail Elizur (USC). Trong cuộc họp tại RIA3, ông Feng-Jie Su (NTOU) đã báo cáo những thành công trong sản xuất giống cá Song vua tại Đài Loan. Ông nhấn mạnh điểm quan trọng khi cho sản xuất giống giống cá Song vua bao gồm: chất lượng của cá bố mẹ và trứng, thức ăn tươi sống (luân trùng, copepods và Artemia) và quản lý môi trường trong quá trình ương nuôi ấu trùng. Sự phát triển của công nghệ ương nuôi ấu trùng cá Song vua là một cột mốc quan trọng của dự án này, nó sẽ được thực hiện từ đàn bố mẹ cá Song vua tại RIA1, RIA3 và SEAFDEC.

Phát triển kỹ thuật di truyền để quản lý đàn cá bố mẹ

TS Wayne Knibb (USC) đã thành công trong việc thiết kế các marker di truyền để xác định huyết thống và phá hệ cá Song vua. Kết quả cung cấp cơ sở khoa học cho việc sản xuất giống cá Song vua và cá Song lai đảm bảo chất lượng, tránh cận huyết.

Nghiên cứu về bệnh VNN trong nuôi cá Song

Cho đến nay, chưa có phương thức điều trị hiệu quả cho Virut hoạt tử thần kinh (VNN). Kết quả nghiên cứu tại USC cho thấy VNN từ mẫu ở Việt Nam và Đài Loan là một sợi đơn và là vi-rút đơn RNA. Hiện nay, có một phương pháp mới trong phòng bệnh VNN đã được trình bày bởi GS.TS Ming-Wei Lu (NTOU, Đài Loan). Ông đã phát triển công nghệ RNAi tác động làm dừng quá trình nhân lên (phát triển) của VNN. Kỹ thuật này có hiệu quả trong việc ngăn ngừa cũng như điều trị bệnh VNN trên cá Song vua. RNAi hiện nay đang được sử dụng cho người dân nuôi cá Song vua ở Đài Loan.

Kế hoạch nghiên cứu, đào tạo

Trong năm tới, nhóm nghiên cứu dự kiến triển khai các hoạt động cụ thể sau:

- Thực hiện quy trình an toàn sinh học trong các khu vực sản xuất giống.
- Đo đạc các thông số môi trường hàng ngày và báo cáo hàng tháng.
- Xây dựng quy trình công nghệ ổn định trong việc cho đẻ và ương nuôi ấu trùng.
- Tiến hành nhiều thử nghiệm cấy ghép tế bào mầm và ương nuôi thành công ấu trùng sau khi cấy.
- Thử nghiệm hoạt động sinh học của hormon kích thích nang trứng tái tổ hợp ở cấp độ tế bào và trong cơ thể cá Song vua. Tiến hành các thử nghiệm về copepods trong ương nuôi ấu trùng cá Song vua.
- Hợp tác với Đại học Quốc gia Hải Dương Đài Loan để chia sẻ các phương thức làm sạch trứng và các kỹ thuật nuôi ấu trùng bằng cách thêm nước ngọt trong quá trình ương nuôi.
- Sản xuất cá Song lai giữa cá bố mẹ cá Song hổ và cá Song vua.
- Đào tạo và trao đổi kinh nghiệm cán bộ giữa các đối tác: Úc, Philippines, Đài Loan, Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ TS Nguyễn Hữu Ninh:
<nguyennhuuninh@ria3.vn>





Ngoc and his family. Photo: Nguyen Bao Ngoc
Ngoc và gia đình. Ảnh: Nguyễn Bảo Ngọc

Australia and experiences

By Nguyen Bao Ngoc, PhD Candidate, University of Melbourne

The John Allwright Fellowships (JAF), established in 1986 by Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR), is a scholarship for young scientists with outstanding achievements in the field of agriculture and economics from countries involved in ACIAR-supported collaborative research projects.

The dream of studying in Australia came true when I was honoured to be awarded this scholarship to undertake a PhD course (2014-2018) at the University of Melbourne, Victoria, Australia.

Australia, from my first impression, is a peaceful, warm and beautiful country. People living here are very friendly; they have a peaceful life, which is desired by many from other countries. Their hospitality makes me feel like I am being in my country, Vietnam. Especially, Melbourne, where I am studying and living, is a dynamic and beautiful city with a great diversity in culture, cuisine and entertainment aspect. That is why Melbourne has been named the world's most liveable city for the fifth year in a row (EIU, 2015).

JAF Scheme gave me a wonderful and invaluable opportunity to experience the innovation in scientific research. What particularly impressed me is that we, students, are considered as the core and the heart of this university. We are encouraged to take the initiative and apply them into our studies. Apart from study, we also have great life experience with mates from

all walks of life. Australia is a multicultural country and we can have the opportunity to explore and learn new things from different cultures.

However, studying in an unfamiliar environment always poses several challenges for international students who live in a foreign country for the first time. One of the challenges that I want to mention first is the language barrier. The very first days I arrived in Australia, my English was limited for daily communication and especially for academic purpose. There were many times when I did not understand or misunderstood information when I read papers or discussed with professors and colleagues in our field. It took me a lot of effort and time to overcome this difficulty. The second challenge is the difference in study approach. Australian's study approach requires students to develop independent and creative thinking, which many Vietnamese students lack of due to the influence of the bureaucratic education in Vietnam.

Continuing on my study path in Australia, I understand that I have to make effort to broaden my personal experience, knowledge and abilities. I am confident that the knowledge learnt here will help me contribute more effectively to the development of scientific research in Vietnam as well as to the cooperation between Vietnam and Australia. Sincere thanks to ACIAR and Australian Government for giving us exciting opportunities to study and experience lifestyle in this beautiful country.



Attend training on veneer production process in Brisbane. Photo: Nguyen Bao Ngoc
Tham dự khóa đào tạo về qui trình sản xuất các sản phẩm từ gỗ và ván mỏng.
Ảnh: Nguyễn Bảo Ngọc



Melbourne city, Victoria, Australia (Source: Internet)
Thành phố Melbourne, Victoria, Úc (Nguồn: Internet)

Nước Úc và những trải nghiệm

Bài viết của Nguyễn Bảo Ngọc, Nghiên cứu sinh Tiến sỹ, Đại học Melbourne

Học bổng John Allwright Fellowship (JAF) được Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR) thành lập năm 1986, là học bổng dành cho các nhà khoa học trẻ có thành tích nổi bật trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế đến từ các quốc gia đối tác đã và đang có những dự án hợp tác với ACIAR.

Giấc mơ du học Úc đã trở thành hiện thực khi tôi vinh dự được nhận học bổng ACIAR cho khóa học Tiến sỹ (2014-2018) tại Trường Đại học Melbourne, bang Victoria, Úc.

Úc, theo cảm nhận đầu tiên của tôi là một đất nước thanh bình, ấm áp và tươi đẹp. Con người nơi đây rất thân thiện, họ có một cuộc sống bình yên điều mà nhiều người nước khác mong muốn. Sự thân thiện, chan hòa của họ làm cho tôi có cảm giác thân quen như đang ở trên chính quê hương Việt Nam mình. Đặc biệt thành phố Melbourne nơi tôi đang học tập và sinh sống, là một thành phố sôi động và xinh đẹp với sự đa dạng về văn hoá, ẩm thực và giải trí. Đó cũng là lí do tại sao Melbourne luôn được bình chọn là thành phố đáng sống nhất thế giới.

Chương trình học bổng JAF đã cho tôi một cơ hội tuyệt vời để được trao đổi, học tập các tiến bộ trong nghiên cứu khoa học và trải nghiệm thực tiễn, đặc biệt gây ấn tượng cho tôi đó là những học sinh như chúng tôi là trung tâm, là trái tim của các ngôi trường. Chúng tôi được khuyến khích đưa ra những sáng kiến và được vận dụng chúng trong các nghiên cứu của mình. Và còn tuyệt vời hơn nữa chính là bên cạnh việc học tập, du học sinh chúng tôi còn có những trải nghiệm cuộc sống tuyệt vời khi học tại Úc. Úc là một đất nước đa văn hóa, các bạn có thể có

cơ hội giao lưu học hỏi nhiều điều mới từ những nền văn hóa khác nhau.

Tuy nhiên học tập tại một môi trường hoàn toàn xa lạ sẽ luôn có những trở ngại khó khăn đối với các bạn du học sinh lần đầu sinh sống tại nơi đất khách quê người. Một trong những khó khăn đầu tiên mà tôi muốn nhắc đến đó chính là ngôn ngữ. Những ngày đầu đặt chân đến Úc, tiếng Anh của tôi còn rất hạn chế, trong giao tiếp hằng ngày và đặc biệt trong môi trường học thuật. Nhiều lúc tôi không hiểu hoặc hiểu nhầm thông tin khi đọc và trao đổi thông tin chuyên ngành với giáo sư và đồng nghiệp. Mất khá nhiều công sức và thời gian tôi mới vượt qua được trở ngại này. Khó khăn thứ hai chính là sự khác biệt trong phương pháp học tập. Phương pháp học tập ở Úc đòi hỏi các người học cần phải phát triển tư duy độc lập, phải mạnh dạn phát biểu nhận định, phải bày tỏ suy nghĩ sáng tạo của bản thân, điều mà các du học sinh Việt Nam đi du học Úc rất hạn chế vì bị ảnh hưởng nặng nề từ nền giáo dục 'đóng khuôn' khi còn ở Việt Nam.

Tiếp tục trên còn đường học tập và nghiên cứu của mình tại Úc, tôi biết mình luôn luôn phải cố gắng học hỏi những kinh nghiệm, nâng cao kiến thức và năng lực bản thân. Tôi tin tưởng rằng, với những kiến thức được đào tạo tại đây sẽ giúp tôi đóng góp có hiệu quả hơn nhiều đối với sự phát triển nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, đóng góp một phần cho mối đoàn kết hợp tác giữa hai nước Việt Nam – Úc. Chân thành cảm ơn ACIAR, cảm ơn Chính phủ Úc đã tạo điều kiện cho chúng tôi có cơ hội được học tập và trải nghiệm cuộc sống ở đất nước tươi đẹp này.



I was in Tasmania orchard farm. Photo: Luu Ngoc Quyen
Thăm vườn cây ăn quả tại Tasmania. Ảnh: Lưu Ngọc Quyển.

John Dillon Fellowship Memory

By Luu Ngoc Quyen - Northern Mountainous Agriculture & Forestry Science Institute (NOMAFSI)

Eventually, my dream of visiting Australia came true. Thanks to my ACIAR friends, I found out about the John Dillon Fellowship and went to Australia for six weeks to join a training program of developing leadership capacity and skills for young leaders. The courses established by ACIAR were well organized, providing diverse knowledge, a lively approach and various experiences. There is no better opportunity for ACIAR's friends and also partners from different countries to live, work and share knowledge and feelings with one another for a short but memorable period of time.

A course of science communication in Melbourne was an interesting start, where we were not only trained in communication skills, but also practiced those skills by playing different roles: trainee, manager, promotional staff, etc. During the following week in Mt Eliza Business School, we enjoyed our course in a picturesque landscape and pleasant environment by the sea. I would like to express my deep thankfulness to the course's lecturers, especially the honorable Mr Edmund King, for helping me improve my management skills.

The third week of the program was a practical training course in beautiful Tasmania island. Our team of six candidates visited Tasmania University, its research institutes and a couple of farm models. Tasmania is like a small Australia with pleasant weather, large stunning plain farms, diverse conservation areas, and most of all, its people's warm kindness and hospitality. The most interesting part is the enterprises' involvement in researches along with universities and institutes (in terms of both financial and human resources), not only in industrial sector but also in agriculture, which can hardly be seen in Vietnam.

For the fourth week we returned to the capital Canberra. We reunited with ACIAR staff, many of whom I had met in Vietnam before, which brought me the feeling of being at home. During that time, we were allowed to visit the Australian Parliament House and attend a meeting of the Parliament, which I had never dreamt of. On that day, we had a meeting and discussion with

the Australian Bureau of Agricultural and Resource Economics and Sciences, an agency under the Australian Government's Department of Agriculture and Water Resources. It was a great honor to be received and handed recognition certificate for participating in the John Dillon Fellowship program by the Minister for Foreign Affairs, The Hon Julie Bishop MP. It gave us an opportunity to express our thanks to the Australian Government and ACIAR, as well as our opinions and proposals for cooperation in agriculture development in ACIAR's partner countries.

The last week of the program was my personal trip to explore Australia. Arriving in Alice Springs, I was astonished by another Australian wonderful natural beauty – the Simson desert, a dryland which is the challenge of nature to human livelihoods. Dr Kevin Williams and Dr Slade Lee from University of South Australia and Cooperative Research Centre for Remote Economic Participation (CRC-REP) showed me the Government's aid and development programs for local people, and the system of collaborating and operating among research institutions, managers, farmers and enterprises. The success of projects indicates the significant role of private sector in agriculture development in remote areas.

The last spot in my program was Darwin. I was introduced to another Australian institution that supports agriculture production - Northern Territory Farmers Association (NT Farmers). It is a social organisation for farmers, acting as a connection between farmers and government agencies and other vocational institutions.

The program was beyond my imagination. It provided me a broader vision about development agriculture, and helped me improve my management and leadership skills.

For further information, please contact Dr Luu Ngoc Quyen
< quyengret@yahoo.com>



Visiting Rocky Hill Farms in Alice Spring. Photo: Luu Ngoc Quyen
Thăm trang trại Rocky Hill Farms ở Alice Spring. Ảnh: Lưu Ngọc Quyển

Kí ức học bổng John Dillon

Bài viết của Lưu Ngọc Quyển - Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI)

Cuối cùng, ước mơ được đến Úc của tôi đã trở thành sự thật. Nhờ những người bạn ACIAR, tôi biết đến học bổng John Dillon Fellowship và nhờ học bổng này tôi đã có được sáu tuần khám phá và tham gia vào một khóa học tập nâng cao năng lực và kĩ năng quản lí cho các lãnh đạo trẻ tại Úc. Khóa học được ACIAR tổ chức rất chặt chẽ về chương trình, phong phú về nội dung, sinh động trong cách học và đầy những trải nghiệm. Đó là một cơ hội không thể tốt hơn cho những người bạn đồng thời là đối tác của ACIAR đến từ các quốc gia khác nhau, được sống, học tập và chia sẻ cùng nhau những kiến thức, những vui buồn trong một quãng thời gian ngắn ngủi nhưng đầy ắp những kỉ niệm.

Một khóa học ngắn về truyền thông khoa học tại thành phố Melbourne đã giúp các học viên có được một khởi đầu đầy thú vị, khi mọi người vừa được trau dồi những kĩ năng truyền thông, vừa được thực hành đóng vai với các nhiệm vụ khác nhau: tập huấn viên, nhà quản lí, thúc đẩy viên,...Tuần nối tiếp chương trình tại Mt Eliza Business School, các học viên được sống, trao đổi và học tập trong một môi trường xinh đẹp và lãng mạn bên bờ biển. Thật cảm ơn những giảng viên của khóa học, đặc biệt là ông giáo già đáng kính Edmund King vì đã giúp tôi nâng cao các kĩ năng lãnh đạo.

Tuần thứ ba của khóa học là một tuần thực tế đến với hòn đảo Tasmania xinh đẹp. Ở đây, nhóm sáu người đã thăm quan và trao đổi với trường đại học Tasmania, một số cơ sở nghiên cứu của trường và một số trang trại. Tasmania như một nước Úc thu nhỏ với khí hậu thật dễ chịu, những trang trại rộng lớn bằng phẳng, những khu bảo tồn thiên nhiên phong phú và đặc biệt là những con người nhiệt tình và cởi mở. Điều thú vị ở đây mà chúng tôi nhận thấy là sự tham gia nghiên cứu khoa học của các doanh nghiệp (cả về tài chính và nhân lực) cùng với các viện, trường, không chỉ trong lĩnh vực công nghiệp mà cả lĩnh vực nông nghiệp, điều mà khó có thể thấy ở Việt Nam.

Tuần thứ tư trở về thủ đô Canberra thật gần gũi và ấm áp tình đồng nghiệp, chúng tôi được gặp mặt tất cả những người đang làm việc cho ACIAR, trong số đó rất nhiều người tôi đã gặp ở Việt Nam, cho tôi cảm giác như đang ở nhà. Một hoạt động

đặc biệt là chúng tôi được vào thăm tòa nhà Quốc hội, dự một phiên họp của Quốc hội Úc, một điều mà chưa bao giờ tôi nghĩ đến. Trong ngày làm việc này chúng tôi được gặp và trao đổi với Cục nông nghiệp, kinh tế và nghiên cứu khoa học thuộc Bộ Nông nghiệp và Thủy lợi Úc. Thật vinh dự khi đoàn được bà Julie Bishop, Bộ trưởng Bộ ngoại giao tiếp và trao kỉ niệm chương của khóa học. Đây là một cơ hội để chúng tôi cảm ơn sự giúp đỡ của chính phủ Úc thông qua ACIAR, cũng như trình bày những quan điểm, những đề xuất với Chính phủ trong việc hợp tác phát triển nông nghiệp tại các quốc gia đối tác của ACIAR.

Tuần cuối cùng của chuyến đi là cuộc thám hiểm nước Úc một mình. Khi đến Alice Spring, tôi đã bị ngỡ ngàng trước một cảnh đẹp thiên nhiên kì lạ – vùng sa mạc Simson, một vùng khô hạn đầy thách thức của thiên nhiên đối với hoạt động sản xuất của con người. TS Kevin Williams và TS Slade Lee đến từ Trường đại học Nam Australia và Trung tâm hợp tác nghiên cứu phát triển kinh tế có sự tham gia của các vùng hẻo lánh tại nước Úc (CRC-REP) đã chỉ cho tôi thấy những chương trình trợ giúp phát triển sản xuất của Chính phủ Úc cho những người dân bản địa ở đây và cách thức phối hợp triển khai các chương trình này giữa các đơn vị nghiên cứu, nhà quản lí, nông dân và doanh nghiệp. Sự thành công của dự án cho thấy vai trò quan trọng của khối tư nhân trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp ở những vùng hẻo lánh.

Điểm thăm quan học tập cuối cùng trong chương trình của tôi là Darwin. Ở đây tôi lại được gặp gỡ và trao đổi với một hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp khác ở Úc, NT Farmers - Hội nông dân vùng phía bắc nước Úc. Đây là một tổ chức xã hội của nông dân, họ đóng vai trò là cầu nối giữa những người dân với các cơ quan của Chính phủ và các tổ chức nghề nghiệp khác.

Có thể nói, đó là một khóa học ngoài sự tưởng tượng của tôi. Nó giúp tôi mở mang cái nhìn về nền nông nghiệp phát triển, cũng như giúp tôi nâng cao khả năng quản lí, lãnh đạo cho bản thân.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ TS Lưu Ngọc Quyển
<quyengret@yahoo.com>

This corner is a new part of ACIAR-in-Vietnam's newsletter. ACIAR's research has helped produce high quality and safe agricultural products which can be brought to the table. With one recipe in each volume, ACIAR newsletter would like to introduce some interesting and creative ways of cooking your family's daily meals with delicious produce of ACIAR program; and hope to deliver related stories about hardworking growers, dedicated researchers and also professional chefs using those produce for their recipes.

From North West garden to gourmet



Luke visit Mrs Minh's vegetables garden. Photo: DFAT
Luke đến thăm vườn rau của chị Minh. Ảnh: DFAT

By Pham Bich Thuy, acknowledged Luke Nguyen's recipe and program by Economic Development Cooperation (EDC), Australian Government

Luke Nguyen – a world famous chef will start our whole new page with his gourmet recipe using products of project 'Towards more profitable and sustainable vegetable farming systems in north-western Vietnam' (AGB/2012/059). Luke is a Vietnamese-Australian chef and restaurateur, best known as the host of the television series, among which 'Luke Nguyen's Vietnam', a food documentary filming him traveling through the country to explore not only the food of the region, but also its culture and environment. During his trip to Bac Ha District, Lao Cai Province under a communication initiative funded by EDC's program, Luke have met Mrs Minh, a farmer in ACIAR-funded project. Following and talking to her all the way from market to home, Luke was not only invited to visit her vegetables garden, but also introduced the dish 'meatball wrapped in cabbage leaves' when cooking with Mrs Minh, with fresh home-grown ingredients. With his improvising

cooking style and professional experience, Luke has created a gourmet recipe inspired by Mrs Minh's dish, combining fresh ingredients from safe products of North West Vietnam and Spencer Gulf king prawn in a unique recipe.

Recipe: Spencer Gulf King Prawn Mousse wrapped in cabbage leaves & served in a Prawn Bisque Serves 4

Ingredients:

- 8 cabbage leaves
- 12 spring onions
- 1 litre fish stock
- 500ml prawn bisque
- ½ teaspoon sesame oil

More on page 38 >>

‘Món ngon từ nông trại’ là chuyên mục mới trong bản tin ACIAR Việt Nam. Các nghiên cứu của ACIAR đã giúp nông dân sản xuất ra những nông sản chất lượng cao, an toàn, và giúp kết nối để các sản phẩm này đến bàn ăn của nhiều gia đình ở xa vùng sản xuất. Với một công thức chế biến món ăn mỗi số, bản tin ACIAR sẽ giới thiệu các biến tấu sáng tạo và hấp dẫn cho bữa ăn gia đình hàng ngày từ những thực phẩm ngon lành – sản phẩm của chương trình ACIAR; đồng thời hy vọng có thể kể những câu chuyện thú vị ẩn chứa đằng sau đó, về những người trồng cấy, những người đang say sưa nghiên cứu, hay cả những đầu bếp đã sử dụng những nguyên liệu tươi ngon ấy cho các món ăn do chính tay họ nấu.



Luke’s fine prawn mousse wrapped in cabbage leaves with prawn bisque. Photo: Alan Benson (Source: www.cooked.com.au)

Món bắp cải cuộn tôm kèm sốt kem do Luke sáng tạo.
Ảnh: Alan Benson (Nguồn: www.cooked.com.au)

Từ vườn rau Tây Bắc đến món ăn thượng hạng

Bài viết của Phạm Bích Thủy, tham khảo từ công thức của Luke Nguyễn và chương trình của Cơ quan Hợp tác Kinh tế và Phát triển (EDC), Chính phủ Úc

Luke Nguyễn – đầu bếp nổi tiếng thế giới sẽ là người ‘mở màn’ cho chuyên mục mới này với công thức món ăn thượng hạng của anh, sử dụng nguyên liệu là nông sản sản xuất bởi dự án ‘Xây dựng hệ thống sản xuất – kinh doanh rau bền vững và hiệu quả ở khu vực Tây Bắc Việt Nam’ (AGB/2012/059). Luke là đầu bếp người Úc gốc Việt, sở hữu chuỗi nhà hàng riêng tại Úc. Anh được biết đến nhiều nhất qua các chương trình truyền hình, trong đó có ‘Luke Nguyen’s Vietnam’, một bộ phim tài liệu ghi lại hành trình của anh trên khắp Việt Nam để khám phá về nền ẩm thực, nền văn hóa và phong cảnh đất nước Việt Nam. Trong chuyến đi đến huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai theo lời mời của chương trình EDC, Luke đã gặp chị Minh, nông dân tham gia dự án do ACIAR tài trợ. Đi theo và trò chuyện với chị Minh suốt từ chợ về đến nhà, Luke không chỉ được đến thăm vườn rau tươi ngon, mà còn cùng chuẩn bị bữa ăn và được chị Minh giới thiệu món bắp cải cuộn thịt từ nguyên liệu tự trồng vừa hái. Với phong cách nấu ăn đặc trưng đầy ngẫu hứng cùng kinh nghiệm của đầu bếp chuyên nghiệp, Luke đã sáng tạo ra công thức món ăn thượng hạng lấy cảm hứng từ món ăn của chị Minh, kết hợp sử dụng các nông sản sạch của vùng Tây Bắc Việt Nam và tôm biển, tạo nên một công thức độc đáo.

Xem tiếp trang 39 >>

>> Continued from page 36

Rice paddy herb sprigs for garnish

Prawn Mousse:

400g Spencer Gulf King Prawns, peeled

¼ teaspoon sea salt

¼ teaspoon black pepper

2 teaspoons fish sauce

½ teaspoon sugar

2 tablespoons chopped spring onions

2 tablespoons chopped red shallots

2 egg whites

In a food processor, blend all ingredients well to form a nice mousse.

Process:

Cut cabbage leaves in half discarding the vein. Bring a pot of salted water to the boil and cook the cabbage leaves for 2 minutes then set aside.

Bring seafood stock to simmer.

Meanwhile, make the dumplings by taking 2 tablespoons and dip them in some oil to avoid mixture sticking to the spoons. Take half a tablespoon of the prawn mousse and using the two spoons creating a quenelle. Poach the quenelle in the fish stock for 1 minute or when it rises to the surface, and remove.

Cut the cabbage leaves into 10cm x15cm rectangle pieces and lay them out flat. Place the dumpling 2cm from the bottom edge then fold the sides in the centre and roll from bottom to top making a nice tight parcel.

Tie each cabbage roll with the spring onion making a nice small bow.

Poach the cabbage parcel in the simmering fish stock for a further 8 minutes.

Remove the parcels and place two parcels into each small bowl, then pour some prawn bisque into the bowl, just enough to submerge half of the cabbage parcels.

Add a few drops of sesame oil to each serve and garnish with a rice paddy herb sprig.

Market opportunities for women farmers in vegetable production – Story of Mrs Minh

Following Mrs Minh all her day, talking while cooking with her, and visiting their cooperative Di Thang with 43 members who are local women, Luke was impressed with the range of fresh safe vegetables. 'There is a real demand in Vietnam for safe produce. All it took was to ensure the quality of the vegetables and they connect the growers to the buyers. The result is the higher profit for the hard-working women in Lao Cai, and of course, healthy food for Vietnam. I love this. This is the great cooperative supported by Australian Government', he said.

The cooperative was established in 2011 as a part of the project 'Increasing the safe production, promotion and utilization of indigenous vegetables by women in Vietnam and Australia' (AGB/2006/112), then continues to develop through project 'Towards more profitable and sustainable vegetable farming systems in north-western Vietnam' (AGB/2012/059). According to Mrs Minh, she and sisters in Di Thang cooperative have learnt new farming techniques to have a higher productivity, supplying for not only the family but also sale for profit. The project enabled Mrs Minh and her cooperative members to connect to the bigger markets like Hanoi, and they do not have to struggle to sell their products in village market from early morning to late afternoon. They actively participate in the value chain of products, master knowledge and techniques of farming and marketing. Their income has been raised thanks to the positive outcomes of project.

Video of Luke Nguyen's cooking with Mrs Minh is available at: <http://bit.ly/29Cx7DH>



Luke visit Mrs Minh's vegetables stall. Photo: DFAT
Luke đến thăm gian hàng của chị Minh. Ảnh: DFAT

>> Tiếp theo trang 37

Công thức món ăn: Bắp cải cuộn tôm kèm sốt kem cho 4 người

Nguyên liệu:

- 8 lá bắp cải
- 12 cọng hành lá
- 1 lít nước dùng hải sản
- 500ml súp kem tôm
- ½ thìa cà phê dầu mè
- Vài nhánh rau thơm trang trí
- Nhân tôm:
- 400g tôm tươi bỏ vỏ
- ¼ thìa cà phê muối ăn
- ¼ thìa cà phê tiêu đen
- 2 thìa cà phê nước mắm
- ½ thìa cà phê đường
- 2 thìa canh hành lá thái nhỏ
- 2 thìa canh hành tím băm nhỏ
- 2 lòng trắng trứng

Dùng máy đánh đều các nguyên liệu cho hỗn hợp quyện vào nhau

Cách thực hiện:

Cắt đôi lá bắp cải, bỏ phần gân cứng. Luộc bắp cải 2 phút bằng nước có chút muối, sau đó vớt ra.

Đem nước dùng hải sản đun nhỏ lửa.

Trong thời gian đó, chuẩn bị nhân tôm. Nhúng 2 thìa canh vào dầu mè tránh bị dính. Lấy ½ thìa hỗn hợp nhân, dùng 2 thìa canh viên lại, thả vào nồi nước dùng nấu trong 1 phút hoặc đến khi nổi lên, vớt ra.

Cắt lá bắp cải theo kích thước 10cmx15cm, trải phẳng. Đặt nhân tôm cách mép lá 2cm, gấp hai bên lá lại rồi cuộn chặt từ dưới lên.

Buộc cuộn bắp cải bằng hành lá. Tiếp tục đun nhỏ lửa trong nước dùng thêm 8 phút.

Vớt ra và đặt vào mỗi bát 2 cuộn bắp cải. Thêm súp kem tôm vào bát cho ngập một nửa cuộn.

Thêm vài giọt dầu mè và trang trí với rau thơm.

Cơ hội thị trường cho phụ nữ nông dân trồng rau – Câu chuyện của chị Minh

Đi theo chị Minh và trò chuyện suốt buổi cả trong lúc nấu nướng, cộng với việc đến thăm hợp tác xã Dì Thành với 43 xã viên đều là phụ nữ tại địa phương, Luke rất ấn tượng với sự đa

dạng các loại rau tươi ngon được trồng và mang đến đó. ‘Nhu cầu dùng thực phẩm an toàn ở Việt Nam hiện nay là rất lớn. Tất cả những gì cần làm là đảm bảo chất lượng của các loại rau và sau đó kết nối người trồng với người mua. Kết quả là những người phụ nữ chăm chỉ ở Lào Cai có nguồn lợi nhuận cao hơn. Và tất nhiên là có thực phẩm lành mạnh hơn cho Việt Nam. Tôi thấy thích hình thức này. Đây là một hợp tác xã tuyệt vời do chính phủ Úc hỗ trợ’, anh chia sẻ.

Hợp tác xã được thành lập từ năm 2011 trong dự án ‘*Nâng cao vai trò của phụ nữ trong sản xuất an toàn, quảng bá và sử dụng rau bản địa ở Việt Nam và Úc*’ (AGB/2006/112) sau đó tiếp tục phát triển trong quá trình hoạt động của dự án ‘*Xây dựng hệ thống sản xuất – kinh doanh rau bền vững và hiệu quả ở khu vực Tây Bắc Việt Nam*’ (AGB/2012/059). Theo chị Minh, các chị em ở hợp tác xã Dì Thành đã được học các kỹ thuật trồng rau cho năng suất cao hơn, không chỉ cung cấp đủ thực phẩm cho gia đình mà còn có để bán. Dự án đã giúp chị Minh và các xã viên kết nối với những thị trường lớn như Hà Nội, không còn cảnh họ phải vất vả mang rau đi bán ở chợ từ sáng sớm đến tối muộn mới được về. Phụ nữ tích cực tham gia chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, làm chủ các kiến thức và kỹ năng trồng trọt cũng như giao dịch hàng hóa. Thu nhập của các hộ gia đình nhờ những kết quả khả quan từ dự án đã tăng lên đáng kể so với trước đây.

Video Luke Nguyễn nấu ăn cùng chị Minh khi đến thăm gia đình được đăng tải tại: <http://bit.ly/29Cx7DH>





Reviewers discuss with researchers about landscape of longan-maize-forage grass system of farmer collaborator Mr Tien in Van Chan District, Yen Bai Province (Project AFLI). Photo: ACIAR Vietnam.
 Các đánh giá viên thảo luận với nhà nghiên cứu về mô hình mẫu kết hợp nhãn- ngô-cỏ của anh Tiến – nông dân tham gia dự án tại Văn Chấn, Yên Bái (Dự án AFLI). Ảnh: ACIAR Việt Nam.



Review team visit a farming system trial in Sa Pa Province (Project veggie). Photo: Dr Hien Phan.
 Đoàn đánh giá thăm mô hình thí nghiệm tại Sa Pa (Dự án rau Tây Bắc). Ảnh: TS Phan Thúy Hiền.



Participants in the VNA activities in An Chan Commune, Tuy An District, Phu Yen Province (Project beef cattle). Photo: Nguyen Thi Da Thao.
 Thành viên tham dự các hoạt động Phân tích mạng lưới giá trị ở xã An Chấn, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Dự án bò thịt). Ảnh: Nguyễn Thị Dạ Thảo.



Researchers from PigRisk project engage in a participatory discussion regarding food safety practices and perceptions with pork consumers in Hung Thong, Nghe An (Project PigRisk). Photo: Dr Pham Van Hung.
 Các nhà nghiên cứu tham gia thảo luận với người tiêu dùng tại Hưng Thông, Nghệ An về nhận thức và hành động của họ đối với an toàn thực phẩm (Dự án PigRisk). Ảnh: TS Phạm Văn Hùng.



ACIAR

Research that works for developing countries and Australia

aciar.gov.au

8 Dao Tan Street, Ba Dinh, Hanoi • Tel: (84 4) 3 7740 100 • Fax: (84 4) 3 813 7707

Web: aciar.gov.au / vietnam.embassy.gov.au